

VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ KẾ HOẠCH VÀ ĐẦU TƯ

**Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT ngày 17 tháng 11 năm 2024
hướng dẫn việc cung cấp, đăng tải thông tin về lựa chọn nhà thầu
và mẫu hồ sơ đấu thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia**

(Tiếp theo Công báo số 1425 + 1426)

MẪU SỐ 7B

HỒ SƠ MỜI THẦU THIẾT KẾ VÀ CUNG CẤP HÀNG HÓA (EP) QUA MẠNG MỘT GIAI ĐOẠN HAI TÚI HỒ SƠ

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 22/2024/TT-BKHĐT
ngày 17 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Kế hoạch và Đầu tư)*

Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính

Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:

4.1. Phương pháp giá thấp nhất²:

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

- Trường hợp Mục 13.7 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 11.2 (11.2A hoặc 11.2B hoặc 11.2C hoặc 11.2D) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 31 E-CDNT);

² Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 và khoản 4.3 Mục 4 Chương này.

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 32 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

- Trường hợp Mục 13.7 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 11.1 (11.1A hoặc 11.1B hoặc 11.1C hoặc 11.1D) Chương IV:

Bước 1. Xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí;

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 31 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu (không bao gồm thuế, phí, lệ phí) sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 32 E-CDNT

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSĐT có giá dự thầu (không bao gồm thuế, phí, lệ phí) sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

4.2. Phương pháp giá đánh giá¹:

Cách xác định giá đánh giá theo các bước sau đây:

Bước 1.

- Trường hợp Mục 13.7 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 11.2 (11.2A hoặc 11.2B hoặc 11.2C hoặc 11.2D) Chương IV thì xác định giá dự thầu.

- Trường hợp Mục 13.7 **E-BDL** quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 11.1 (11.1A hoặc 11.1B hoặc 11.1C hoặc 11.1D) Chương IV thì xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT.

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 31 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu (theo Bước 1 khoản này) sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.1 và khoản 4.3 Mục 4 Chương này.

Bước 4. Xác định giá đánh giá:

Việc xác định giá đánh giá được thực hiện theo công thức sau đây:

$$G_{\text{ĐG}} = G \pm \Delta_G + \Delta_{\text{ƯĐ}}$$

Trong đó:

- G = (giá dự thầu \pm giá trị hiệu chỉnh sai lệch thừa) - giá trị giảm giá (nếu có);
 - $\Delta_{\text{ƯĐ}}$ là giá trị phải cộng thêm đối với đối tượng không được hưởng ưu đãi theo quy định tại Mục 32 E-CDNT;

- Δ_G là giá trị các yếu tố được quy về một mặt bằng cho cả vòng đời sử dụng của công trình bao gồm:

- + Tiến độ hoàn thành;
- + Chi phí vòng đời trong toàn bộ quá trình sử dụng của công trình;
- + Chi phí lãi vay (nếu có);
- + Các yếu tố của đấu thầu bền vững (nếu có);
- + Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng gói thầu tư vấn, hàng hóa xây lắp, EPC, EP, PC của nhà thầu theo quy định tại Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;
- + Các yếu tố khác (nếu có).

1. Tiến độ hoàn thành công trình, hệ thống, thời gian giao hàng:

Công trình, hệ thống phải được hoàn thành trong khoảng thời gian theo tiến độ hoàn thành công trình, hệ thống quy định trong E-HSMT. Nhà thầu đề xuất thời gian hoàn thành công trình, hệ thống sớm hơn quy định trong E-HSMT thì không được tính ưu tiên; nhà thầu đề xuất thời gian hoàn thành công trình, hệ thống muộn hơn khoảng thời gian này thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

Trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể lượng hóa thành tiền ưu thế của một ngày công trình, hệ thống được đưa vào sử dụng sớm (trong khoảng thời gian theo tiến độ hoàn thành công trình, hệ thống) là A thì sử dụng yếu tố này để đưa vào công thức giá đánh giá. Trường hợp nhà thầu hoàn thành công trình, hệ thống muộn hơn so với ngày hoàn thành công trình, hệ thống sớm nhất là X ngày (nhưng vẫn trong khoảng thời gian theo tiến độ hoàn thành công trình, hệ thống) sẽ bị cộng thêm một khoản tiền là $A \times X$ vào giá dự thầu của nhà thầu này để so sánh, xếp hạng nhà thầu.

2. Tiến độ thanh toán:

Nhà thầu phải chào giá theo biểu tiến độ thanh toán quy định tại ĐKCT. E-HSĐT sẽ được so sánh trên cơ sở giá chào theo biểu tiến độ thanh toán theo quy định. Tuy nhiên, cùng với biểu tiến độ thanh toán quy định tại ĐKCT, nhà thầu được phép đề xuất một biểu tiến độ thanh toán khác và đề xuất giảm giá theo biểu tiến độ thanh toán này. Sau khi nhà thầu được lựa chọn trúng thầu trên cơ sở so sánh giá chào theo biểu tiến độ thanh toán ban đầu thì Chủ đầu tư có thể xem xét biểu tiến độ thanh toán thay thế và giảm giá của nhà thầu này.

3. Chi phí vòng đời nên được sử dụng khi chi phí dành cho vận hành và bảo dưỡng trong vòng đời sử dụng của công trình, hệ thống là đáng kể so với chi phí thực hiện và có thể khác nhau giữa các E-HSĐT. Chi phí vòng đời sẽ được đánh giá trên cơ sở giá trị hiện tại ròng. Nếu áp dụng chi phí vòng đời thì có thể xem xét đưa vào các yếu tố sau cho mục đích so sánh, xếp hạng nhà thầu:

- + Số năm tính chi phí vòng đời: ____ [ghi số năm];
- + Tỷ lệ chiết khấu tính giá trị hiện tại ròng đối với chi phí vận hành và bảo dưỡng: ____ [ghi tỷ lệ chiết khấu];
- + Chi phí vận hành và bảo dưỡng hằng năm trong suốt vòng đời của hàng hóa được xác định theo cách thức: ____ [ghi cách thức xác định];
- + Giá trị thanh lý;
- + Các yếu tố khác theo yêu cầu của Chủ đầu tư, Bên mời thầu;
- + Nhà thầu phải cung cấp các thông tin sau: _____ [nêu các thông tin nhà thầu phải cung cấp (nếu cần)].

4. Hiệu suất và công suất của thiết bị, công trình, hệ thống:

Để so sánh E-HSĐT, xếp hạng nhà thầu, giá dự thầu sẽ trừ đi một khoản tiền tương ứng với mức chênh lệch về công suất, hiệu suất giữa đề xuất của nhà thầu và mức yêu cầu tối thiểu trong E-HSMT. Cụ thể như sau: _____ [ghi công thức điều chỉnh]. Ví dụ: 01% hoặc 01 đơn vị chênh lệch giữa hiệu suất và công suất của thiết bị, công trình, hệ thống mà E-HSĐT chào ưu việt hơn so với mức yêu cầu tối thiểu trong E-HSMT được coi là tương đương với _____ [ghi số tiền mà Chủ đầu tư có thể có lợi do hiệu suất, công suất cao hơn].

5. Hàng hóa được chứng nhận nhãn sinh thái, nhãn năng lượng và tương đương (nếu có): _____ [*Trường hợp áp dụng tiêu chí này, chủ đầu tư, bên mời thầu cần lượng hóa thành tiền một đơn vị chênh lệch của hàng hóa được chứng nhận nhãn sinh thái, nhãn năng lượng và tương đương... so với mức yêu cầu tối thiểu*].

6. Đầu thầu bền vững (nếu có): _____ [*có thể quy định nội dung này nếu tại Mục 3 Chương này có yêu cầu. Trong trường hợp này chủ đầu tư, bên mời thầu cần lượng hóa thành tiền một đơn vị chênh lệch của thông số, chỉ số về thân thiện môi trường, xã hội... so với mức yêu cầu tối thiểu. Trường hợp ưu tiên sản phẩm, dịch vụ được chứng nhận nhãn sinh thái, nhãn năng lượng và tương đương thì cần quy định cụ thể*];

7. Thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP;

8. Các yếu tố khác (nếu có).

Trường hợp trong phạm vi cung cấp có đưa ra các yêu cầu về đầu thầu bền vững như yêu cầu về khí thải, mức tiêu hao nhiên liệu, vật liệu tái chế, tái sử dụng... thì Chủ đầu tư, Bên mời thầu có thể sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc đồng thời với tiêu chí đạt/không đạt sẽ lượng hóa các yếu tố này thành tiền nếu vượt mức yêu cầu tối thiểu.

Bước 5. Xếp hạng nhà thầu: E-HSDT có giá đánh giá thấp nhất sau khi tính ưu đãi được xếp hạng thứ nhất.

Trường hợp nhà thầu chào theo Mẫu số 11.1 (11.1A hoặc 11.1B hoặc 11.1C hoặc 11.1D) Chương IV thì việc xếp hạng nhà thầu căn cứ trên E-HSDT có giá đánh giá không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT, hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

4.3. Phương pháp kết hợp giữa kỹ thuật và giá¹:

Khi áp dụng phương pháp này thì tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật phải sử dụng phương pháp chấm điểm. Sử dụng thang điểm (T) thống nhất với thang điểm về kỹ thuật để xác định điểm giá. T là mức điểm tối đa kỹ thuật được xác định tại Mục 3.1 Chương này.

¹ Trường hợp áp dụng phương pháp này thì bỏ khoản 4.1 và khoản 4.2 Mục 4 Chương này

Tiêu chuẩn đánh giá tổng hợp được xây dựng trên cơ sở kết hợp giữa kỹ thuật và giá. Tùy theo quy mô, tính chất của từng gói thầu cần xác định tỷ trọng điểm về kỹ thuật và tỷ trọng điểm về giá cho phù hợp bảo đảm tỷ trọng điểm về kỹ thuật cộng với tỷ trọng điểm về giá bằng 100%, trong đó tỷ trọng điểm về kỹ thuật (K) từ 10% đến 30%, tỷ trọng điểm về giá (T) từ 70% đến 90%.

Bước 1.

- Trường hợp Mục 13.7 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 11.2 (11.2A hoặc 11.2B hoặc 11.2C hoặc 11.2D) Chương IV thì xác định giá dự thầu sau giảm giá (nếu có).

Trường hợp Mục 13.7 E-BDL quy định nhà thầu chào theo Mẫu số 11.1 (11.1A hoặc 11.1B hoặc 11.1C hoặc 11.1D) Chương IV thì xác định giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu, thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có), thuế VAT sau khi giảm giá (nếu có).

Bước 2. Hiệu chỉnh sai lệch thừa (thực hiện theo quy định tại Mục 31 E-CDNT);

Bước 3. Xác định giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch thừa (nếu có), trừ đi giá trị giảm giá (nếu có);

Bước 4. Xác định điểm tổng hợp:

Điểm tổng hợp được xác định như sau:

$$\text{Điểm tổng hợp}_{\text{đang xét}} = \left(\frac{G_{\text{thấp nhất}}}{G_{\text{đang xét}}} \times T + \frac{\text{Điểm kỹ thuật}_{\text{đang xét}}}{\text{Điểm kỹ thuật}_{\text{cao nhất}}} \times K \right) \times 100$$

Trong đó:

- Điểm kỹ thuật_{đang xét}: là số điểm được xác định tại bước đánh giá về kỹ thuật của hồ sơ dự thầu đang xét;

- Điểm kỹ thuật cao nhất: là số điểm kỹ thuật cao nhất trong số các hồ sơ dự thầu đáp ứng về kỹ thuật;

- $G_{\text{thấp nhất}}$: là giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) thấp nhất của các hồ sơ dự thầu đáp ứng về kỹ thuật;

- $G_{\text{đang xét}}$: là giá dự thầu sau hiệu chỉnh sai lệch trừ đi giá trị giảm giá (nếu có) của hồ sơ dự thầu đang xét;

- K: Tỷ trọng điểm về kỹ thuật quy định trong thang điểm tổng hợp;
- T: Tỷ trọng điểm về giá quy định trong thang điểm tổng hợp;
- $K + T = 100\%$. Tỷ trọng điểm về kỹ thuật (K) và về giá (T) phải được xác định cụ thể trong E-HSMT.

Bước 5. Xác định ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 32 E-CDNT.

Bước 6. Xếp hạng nhà thầu: E-HSMT có điểm tổng hợp cao nhất sau khi tính ưu đãi (nếu có) được xếp thứ nhất.

Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSMT (nếu có)

Trường hợp cho phép nhà thầu đề xuất phương án kỹ thuật thay thế theo quy định tại Mục 12 E-CDNT, E-HSMT sẽ được đánh giá như sau: ____ [*ghi các tiêu chí, tiêu chuẩn đánh giá đối với phương án kỹ thuật thay thế*].

Chương IV. BIỂU MẪU MỜI THẦU VÀ DỰ THẦU

	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
1	Mẫu số 01A. Bảng kê hạng mục công việc (<i>áp dụng cho loại hợp đồng trọn gói</i>)	Webform	X	
2	Mẫu số 01B. Bảng kê hạng mục công việc (<i>áp dụng cho loại hợp đồng theo đơn giá cố định</i>)		X	
3	Mẫu số 01C. Bảng kê hạng mục công việc (<i>áp dụng cho loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh</i>)		X	
4	Mẫu số 01D. Bảng kê hạng mục công việc (<i>áp dụng cho loại hợp đồng hỗn hợp</i>)		X	
5	Mẫu số 01E. Bảng tiến độ thực hiện		X	

	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
I	E-HSDXKT			
6	Mẫu số 02. Đơn dự thầu	Webform		X
7	Mẫu số 03. Thỏa thuận liên danh			X
8	Mẫu số 04A. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu độc lập)	Scan và đính kèm hoặc bảo lãnh điện tử		X
9	Mẫu số 04B. Bảo lãnh dự thầu (áp dụng trong trường hợp nhà thầu liên danh)			X
10	Mẫu số 05A1. Hợp đồng EPC, EP tương tự do nhà thầu thực hiện	Webform		X
11	Mẫu số 05A2. Hợp đồng cung cấp hàng hóa (P) tương tự do nhà thầu thực hiện			X
12	Mẫu số 05A3. Hợp đồng tư vấn (E) tương tự do nhà thầu thực hiện			X
13	Mẫu số 05B. Bảng kê khai năng lực sản xuất hàng hóa (áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)			X
14	Mẫu số 06A. Bảng đề xuất nhân sự chủ chốt			X
15	Mẫu số 06B. Bảng lý lịch chuyên môn của nhân sự chủ chốt			X
16	Mẫu số 06C. Bảng kinh nghiệm chuyên môn			X

	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
17	Mẫu số 06D. Bảng kê khai thiết bị chủ yếu			X
18	Mẫu số 07. Hợp đồng tư vấn, hàng hóa, EPC, EP, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ			X
19	Mẫu số 08. Tình hình tài chính của nhà thầu			X
20	Mẫu số 09A. Phạm vi công việc sử dụng nhà thầu phụ			X
21	Mẫu số 09B. Bảng kê khai nhà thầu phụ đặc biệt		X	X
22	Mẫu số 09C. Danh sách công ty con, công ty thành viên đảm nhận phần công việc của gói thầu			X
23	Mẫu số 10A. Bảng tiến độ thực hiện			X
24	Mẫu số 10B. Đề xuất về hàng hóa của nhà thầu			X
II	E-HSDXTC			
25	Mẫu số 11.1A. Bảng tổng hợp giá dự thầu (<i>đối với loại hợp đồng trọn gói trong trường hợp nhà thầu chào tách thuế, phí, lệ phí</i>)			X
26	Mẫu số 11.1B. Bảng tổng hợp giá dự thầu (<i>đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định trong trường hợp nhà thầu chào tách thuế, phí, lệ phí</i>)			X

	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
27	Mẫu số 11.1C. Bảng tổng hợp giá dự thầu (đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh trong trường hợp nhà thầu chào tách thuế, phí, lệ phí)			X
28	Mẫu số 11.1D. Bảng tổng hợp giá dự thầu (đối với loại hợp đồng hỗn hợp trong trường hợp nhà thầu chào tách thuế, phí, lệ phí)			X
29	Mẫu số 11.2A. Bảng tổng hợp giá dự thầu (đối với loại hợp đồng trọn gói trong trường hợp nhà thầu chào giá dự thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí)			X
30	Mẫu số 11.2B. Bảng tổng hợp giá dự thầu (đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định trong trường hợp nhà thầu chào giá dự thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí)			X
31	Mẫu số 11.2C. Bảng tổng hợp giá dự thầu (đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh trong trường hợp nhà thầu chào giá dự thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí)			X
32	Mẫu số 11.2D. Bảng tổng hợp giá dự thầu (đối với loại hợp đồng hỗn hợp trong trường hợp nhà thầu chào giá dự thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí)			X
33	Mẫu số 12A. Bảng kê khai hàng được hưởng ưu đãi			X

	Biểu mẫu	Cách thức thực hiện	Trách nhiệm thực hiện	
			Chủ đầu tư	Nhà thầu
34	Mẫu số 12B. Bảng kê khai chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (<i>trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại</i>)			X
35	Mẫu số 12C. Bảng kê khai chi phí sản xuất trong nước đối với hàng hóa được hưởng ưu đãi (<i>trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam</i>)			X
36	Mẫu số 13. Đơn dự thầu (thuộc E-HSDXTC)			X

Mẫu số 01A (Webform trên Hệ thống)**BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC ⁽¹⁾**

*Trường hợp chủ đầu tư xác định được hạng mục công việc thì liệt kê vào Bảng này.
Trường hợp chủ đầu tư không xác định được hạng mục công việc thì chủ đầu tư
không điền vào bảng này và nhà thầu xác định hạng mục công việc
theo Mục 13.1 E-CDNT*

(Áp dụng loại hợp đồng trọn gói)

STT	Mô tả công việc⁽²⁾	Khối lượng tham khảo⁽³⁾	Đơn vị tính

Ghi chú:

(1), (3) Bảng kê hạng mục công việc và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế do nhà thầu đề xuất để thực hiện gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. Sau khi chuẩn xác hạng mục công việc (thêm/bớt các hạng mục hoặc khối lượng của từng hạng mục), Nhà thầu chào giá cho từng hạng mục theo Mẫu số 11 Chương này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

Mẫu số 01B (Webform trên Hệ thống)**BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC⁽¹⁾**

*Trường hợp chủ đầu tư xác định được hạng mục công việc thì liệt kê vào Bảng này.
 Trường hợp chủ đầu tư không xác định được hạng mục công việc thì chủ đầu tư
 không điền vào bảng này và nhà thầu xác định hạng mục công việc
 theo Mục 13.1 E-CDNT*

(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định)

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các hạng mục công việc liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả công việc mời thầu⁽²⁾	Khối lượng tham khảo⁽³⁾	Đơn vị tính
I	Các hạng mục		
<i>1</i>	<i>Hạng mục 1</i>		
<i>2</i>	<i>Hạng mục 2</i>		
...	...		
II	Chi phí dự phòng^(*)		
	<i>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh:</i>	<i>b1%</i>	

Ghi chú:

(1), (3) Bảng kê hạng mục công việc và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế do nhà thầu đề xuất để thực hiện gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. Sau khi chuẩn xác hạng mục công việc (thêm/bớt các hạng mục hoặc khối lượng của từng hạng mục), Nhà thầu chào giá cho từng hạng mục theo Mẫu số 11 Chương này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

(*) Chi phí dự phòng: trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Mẫu số 01C (Webform trên Hệ thống)**BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC⁽¹⁾**

Trường hợp chủ đầu tư xác định được hạng mục công việc thì liệt kê vào Bảng này. Trường hợp chủ đầu tư không xác định được hạng mục công việc thì chủ đầu tư không điền vào bảng này và nhà thầu xác định hạng mục công việc theo Mục 13.1 E-CDNT

(Áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các hạng mục công việc liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

STT	Mô tả công việc mời thầu	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
	(2)	(3)	
I	Các hạng mục		
<i>1</i>	<i>Hạng mục 1</i>		
<i>2</i>	<i>Hạng mục 2</i>		
...	...		
II	Chi phí dự phòng(*)		
<i>1</i>	<i>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá:</i>	<i>b2%</i>	

Ghi chú:

(1), (3) Bảng kê hạng mục công việc và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế do nhà thầu đề xuất để thực hiện gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. Sau khi chuẩn xác hạng mục công việc (thêm/bớt các hạng mục hoặc khối lượng của từng hạng mục), Nhà thầu chào giá cho từng hạng mục theo Mẫu số 11 Chương này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

(*) Chi phí dự phòng:

Trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và dự phòng trượt giá (b2%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b2%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế hoặc có trượt giá.

Mẫu số 01D (Webform trên Hệ thống)**BẢNG KÊ HẠNG MỤC CÔNG VIỆC⁽¹⁾**

Trường hợp chủ đầu tư xác định được hạng mục công việc thì liệt kê vào Bảng này. Trường hợp chủ đầu tư không xác định được hạng mục công việc thì chủ đầu tư không điền vào bảng này và nhà thầu xác định hạng mục công việc theo Mục 13.1 E-CDNT

(Áp dụng loại hợp đồng hỗn hợp)

Chủ đầu tư liệt kê danh mục các hạng mục công việc liên quan để thực hiện gói thầu theo bảng sau:

I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói⁽¹⁾

STT	Mô tả công việc⁽²⁾	Khối lượng tham khảo⁽³⁾	Đơn vị tính

Ghi chú:

(1), (3) Bảng kê hạng mục công việc và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế do nhà thầu đề xuất để thực hiện gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. Sau khi chuẩn xác hạng mục công việc (thêm/bớt các hạng mục hoặc khối lượng của từng hạng mục), Nhà thầu chào giá cho từng hạng mục theo Mẫu số 11 Chương này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Mô tả công việc mời thầu	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
	(2)	(3)	
I	Các hạng mục		
1	Hạng mục 1		
2	Hạng mục 2		
...	...		

STT	Mô tả công việc mời thầu	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
	(2)	(3)	
II	Chi phí dự phòng^(*)		
1	<i>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh:</i>	<i>b1%</i>	

Ghi chú:

(1), (3) Bảng kê hạng mục công việc và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế do nhà thầu đề xuất để thực hiện gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. Sau khi chuẩn xác hạng mục công việc (thêm/bớt các hạng mục hoặc khối lượng của từng hạng mục), Nhà thầu chào giá cho từng hạng mục theo Mẫu số 11 Chương này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

(*) Chi phí dự phòng: trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh (b1%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b1%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

STT	Mô tả công việc mời thầu	Khối lượng tham khảo	Đơn vị tính
	(2)	(3)	
I	Các hạng mục		
1	<i>Hạng mục 1</i>		
2	<i>Hạng mục 2</i>		
...	...		
II	Chi phí dự phòng^(*)		
1	<i>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá^(*):</i>	<i>b2%</i>	

Ghi chú:

(1), (3) Bảng kê hạng mục công việc và khối lượng chỉ có giá trị tham khảo, nhà thầu có trách nhiệm chuẩn xác hạng mục công việc phù hợp với thiết kế do nhà thầu đề xuất để thực hiện gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V. Sau khi chuẩn xác hạng mục công việc (thêm/bớt các hạng mục hoặc khối lượng của từng hạng mục), Nhà thầu chào giá cho từng hạng mục theo Mẫu số 11 Chương này.

(2) Dẫn chiếu đến nội dung tương ứng quy định tại Chương V.

(*) Chi phí dự phòng:

Trong E-HSMT phải ghi rõ tỷ lệ dự phòng cho khối lượng phát sinh và dự phòng trượt giá (b2%) để nhà thầu làm cơ sở chào thầu. Khi tham dự thầu, nhà thầu phải chào chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá với giá trị bằng tỷ lệ phần trăm (%) quy định trong E-HSMT (b2%) nhân với Chi phí của các hạng mục do nhà thầu chào. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế hoặc có trượt giá.

Mẫu số 01E (Webform trên Hệ thống)**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

Phần này cung cấp yêu cầu chi tiết tiến độ yêu cầu cho gói thầu EP này với nội dung chi tiết và các mốc thời gian quan trọng liên quan đến nghiệm thu, chuyển tiếp và đồng bộ với các công tác khác của dự án cũng như các mốc thời gian làm cơ sở xác định việc thưởng phạt tiến độ trong hợp đồng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình (Bảng 1), trường hợp chủ đầu tư đưa ra được yêu cầu về thời gian hoàn thành cho các hạng mục công trình quan trọng thì lập bảng yêu cầu các mốc thời gian hoàn thành (Bảng 2)

Bảng 1. Thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình, hệ thống

Tên công trình, hệ thống	Thời hạn hoàn thành toàn bộ công trình, hệ thống

Bảng 2. Các mốc thời gian hoàn thành quan trọng

TT	Hạng mục công việc	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành
1			
2			
...			

Ghi chú:

Trường hợp chủ đầu tư không đưa ra yêu cầu về các mốc thời gian hoàn thành quan trọng thì bỏ trống bảng 2.

Mẫu số 02 (webform trên Hệ thống)**ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(thuộc E-HSDXKT)**

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*], Mã số thuế: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT.

Hiệu lực của E-HSDT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Bảo đảm dự thầu: ___ [*ghi giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền của bảo đảm dự thầu*]

Hiệu lực của Bảo đảm dự thầu⁽²⁾: ___ [*ghi thời gian hiệu lực kể từ ngày đóng thầu*]

Chúng tôi cam kết:

1. Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, giấy chứng nhận đăng ký hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã, tổ hợp tác, không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về phá sản (không đang trong quá trình chấm dứt hoạt động hoặc bị thu hồi giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh đối với nhà thầu là hộ kinh doanh).

2. Không vi phạm quy định về bảo đảm cạnh tranh trong đấu thầu.

3. Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.

4. Không đang trong thời gian bị cấm tham dự thầu theo quy định của pháp luật đấu thầu;

5. Không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự (chủ hộ không đang bị truy cứu trách nhiệm hình sự trong trường hợp nhà thầu là hộ kinh doanh);

6. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu⁽³⁾.

7. Không thực hiện các hành vi tham nhũng, hối lộ, thông thầu, cản trở và các hành vi vi phạm quy định khác của pháp luật đấu thầu khi tham dự gói thầu này.

8. Những thông tin kê khai trong E-HSĐT là trung thực.

9. Trường hợp trúng thầu, E-HSĐT và các văn bản bổ sung, làm rõ E-HSĐT tạo thành thỏa thuận ràng buộc trách nhiệm giữa hai bên cho tới khi hợp đồng được ký kết.

10. Nếu E-HSĐT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 40.1 E-CDNT của E-HSMT.

11. Trường hợp chúng tôi không nộp bản gốc bảo đảm dự thầu theo yêu cầu của Bên mời thầu quy định tại Mục 18.5 E-CDNT; trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, không nộp tiền mặt, Séc bảo chi, thư bảo lãnh dự thầu hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh theo quy định tại Mục 18.7 E-CDNT thì chúng tôi sẽ bị đánh giá không đảm bảo uy tín khi tham dự thầu theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP, nêu tên trên Hệ thống và tài khoản của chúng tôi sẽ bị khóa trong vòng 06 tháng kể từ ngày Cục Quản lý đấu thầu, Bộ Kế hoạch và Đầu tư nhận được văn bản đề nghị của Chủ đầu tư.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSĐT.

(2) Trong trường hợp giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng thì không áp dụng nội dung này.

(3) E-HSMT không được yêu cầu nhà thầu phải nộp lý lịch tư pháp của nhân sự để chứng minh cho nội dung đánh giá này.

Mẫu số 03 (Webform trên Hệ thống)**THỎA THUẬN LIÊN DANH**Ngày: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Gói thầu: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Thuộc dự án/dự toán mua sắm: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽¹⁾ ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ⁽¹⁾ ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Căn cứ E-HSMT Gói thầu: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] với số E-TBMT: _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Chúng tôi, đại diện cho các bên ký thỏa thuận liên danh, gồm có:

Tên thành viên liên danh thứ nhất: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

Tên thành viên liên danh thứ hai: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Tên thành viên liên danh thứ n: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*]Mã số thuế: ____ [*Hệ thống tự động trích xuất*];

Đại diện là ông/bà: _____

Chức vụ: _____

Địa chỉ: _____

Điện thoại: _____

...

Các bên (sau đây gọi là thành viên) thống nhất ký kết thỏa thuận liên danh với các nội dung sau:

Điều 1. Nguyên tắc chung

1. Các thành viên tự nguyện hình thành liên danh để tham dự thầu gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*].

2. Các thành viên thống nhất tên gọi của liên danh cho mọi giao dịch liên quan đến gói thầu này là: _____ [*Ghi tên của liên danh*].

3. Các thành viên cam kết không thành viên nào được tự ý tham gia độc lập hoặc liên danh với nhà thầu khác để tham gia gói thầu này. Trường hợp trúng thầu, không thành viên nào có quyền từ chối thực hiện các trách nhiệm và nghĩa vụ đã quy định trong hợp đồng. Trường hợp thành viên của liên danh từ chối hoàn thành trách nhiệm riêng của mình như đã thỏa thuận thì thành viên đó bị xử lý như sau:

- Bồi thường thiệt hại cho các bên trong liên danh;
- Bồi thường thiệt hại cho Chủ đầu tư theo quy định nêu trong hợp đồng;
- Hình thức xử lý khác _____ [*ghi rõ hình thức xử lý khác*].

Điều 2. Phân công trách nhiệm

Các thành viên thống nhất phân công trách nhiệm để thực hiện gói thầu _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] thuộc dự án/dự toán mua sắm _____ [*Hệ thống tự động trích xuất*] đối với từng thành viên như sau:

1. Thành viên đứng đầu liên danh:

Các bên nhất trí phân công _____ [*Hệ thống tự động trích xuất thành viên lập liên danh*] làm thành viên đứng đầu liên danh, đại diện cho liên danh trong những phần việc sau⁽²⁾:

- Sử dụng tài khoản, chứng thư số để nộp E-HSDT cho cả liên danh.

[*- Ký các văn bản, tài liệu để giao dịch với Chủ đầu tư, Bên mời thầu trong quá trình tham dự thầu và văn bản giải trình, làm rõ E-HSDT hoặc văn bản đề nghị rút E-HSDT;*

- Thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh;
- Tham gia quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có), hoàn thiện hợp đồng;

- Ký đơn kiến nghị trong trường hợp nhà thầu có kiến nghị;
- Các công việc khác trừ việc ký kết hợp đồng_____ [ghi rõ nội dung các công việc khác (nếu có)].

2. Các thành viên trong liên danh thỏa thuận phân công trách nhiệm thực hiện công việc theo bảng dưới đây ⁽³⁾:

STT	Tên các thành viên trong liên danh	Nội dung công việc đảm nhận	Tỷ lệ % giá trị đảm nhận so với tổng giá dự thầu
1	Tên thành viên đứng đầu liên danh (Hệ thống tự động trích xuất)	- ____	- ____%
		- ____	- ____%
2	Tên thành viên thứ 2	- ____	- ____%
		- ____	- ____%
....
Tổng cộng		Toàn bộ công việc của gói thầu	100%

Điều 3. Hiệu lực của thỏa thuận liên danh

1. Thỏa thuận liên danh có hiệu lực kể từ ngày ký.
2. Thỏa thuận liên danh chấm dứt hiệu lực trong các trường hợp sau:
 - Các bên hoàn thành trách nhiệm, nghĩa vụ của mình và tiến hành thanh lý hợp đồng;
 - Các bên cùng thỏa thuận chấm dứt;
 - Nhà thầu liên danh không trúng thầu;
 - Hủy thầu gói thầu_____ [Hệ thống tự động trích xuất] thuộc dự án/dự toán mua sắm_____ [Hệ thống tự động trích xuất] theo thông báo của Chủ đầu tư, Bên mời thầu.

Thỏa thuận liên danh được lập trên sự chấp thuận của tất cả các thành viên.

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN ĐỨNG ĐẦU LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

ĐẠI DIỆN HỢP PHÁP CỦA THÀNH VIÊN LIÊN DANH

[xác nhận, chữ ký số]

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động cập nhật các văn bản quy phạm pháp luật theo quy định hiện hành.

(2) Việc phân công trách nhiệm bao gồm một hoặc nhiều công việc như đã nêu.

(3) Nhà thầu phải ghi rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện, trách nhiệm chung, trách nhiệm riêng của từng thành viên, kể cả thành viên đứng đầu liên danh.

Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng tổng hợp giá dự thầu quy định tại Mẫu số 11.1 (11.1A hoặc 11.1B hoặc 11.1C hoặc 11.1D) hoặc Mẫu số 11.2 (11.2A hoặc 11.2B hoặc 11.2C hoặc 11.2D) Chương IV; không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

Mẫu số 04A (Scan đính kèm)**BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾**

(áp dụng đối với nhà thầu độc lập)

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ *[ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 (c) E-BDL]*

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ *[ghi ngày phát hành bảo lãnh]*

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ *[ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]*

Bên bảo lãnh: ___ *[ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]*

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ *[ghi tên nhà thầu]* (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ *[ghi tên gói thầu]* thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ *[ghi tên dự án/dự toán mua sắm]* theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ *[ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT]*.

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho nhà thầu bằng một khoản tiền là ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]*.

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽²⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽³⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁴⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ *[ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng]* khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

7. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.

Trường hợp Nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi Nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp Nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn Nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ ngày hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này. Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng

[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2

E-BDL, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(3) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(4) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Mẫu số 04B (Scan đính kèm)**BẢO LÃNH DỰ THẦU⁽¹⁾***(áp dụng đối với nhà thầu liên danh)*

Bên thụ hưởng (Bên nhận bảo lãnh): ___ [ghi tên và địa chỉ của Chủ đầu tư quy định tại Mục 1.1 E-BDL hoặc ghi tên Bên mời thầu quy định tại Mục 5.1 (c) E-BDL]

Ngày phát hành bảo lãnh: ___ [ghi ngày phát hành bảo lãnh]

BẢO LÃNH DỰ THẦU số: ___ [ghi số trích yếu của Bảo lãnh dự thầu]

Bên bảo lãnh: ___ [ghi tên và địa chỉ nơi phát hành, nếu những thông tin này chưa được thể hiện ở phần tiêu đề trên giấy in]

Chúng tôi được thông báo rằng Bên được bảo lãnh là ___ [ghi tên nhà thầu]⁽²⁾ (sau đây gọi là “Nhà thầu”) sẽ tham dự thầu để thực hiện gói thầu ___ [ghi tên gói thầu] thuộc dự án/dự toán mua sắm ___ [ghi tên dự án/dự toán mua sắm] theo Thư mời thầu/E-TBMT số ___ [ghi số trích yếu của Thư mời thầu/E-TBMT].

Chúng tôi cam kết với Bên thụ hưởng rằng chúng tôi bảo lãnh cho Nhà thầu tham dự thầu gói thầu này bằng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng].

Bảo lãnh này có hiệu lực trong ___⁽³⁾ ngày, kể từ ngày ___ tháng ___ năm ___⁽⁴⁾.

Theo yêu cầu của Nhà thầu, chúng tôi, với tư cách là Bên bảo lãnh, cam kết⁽⁵⁾ sẽ thanh toán cho Bên thụ hưởng một khoản tiền là ___ [ghi rõ giá trị bằng số, bằng chữ và đồng tiền sử dụng] khi nhận được văn bản thông báo từ Bên thụ hưởng về vi phạm của Nhà thầu trong các trường hợp sau đây:

1. Sau thời điểm đóng thầu và trong thời gian có hiệu lực của E-HSĐT, nhà thầu có văn bản rút E-HSĐT hoặc từ chối thực hiện một hoặc các công việc đã đề xuất trong E-HSĐT theo yêu cầu của E-HSMT;

2. Nhà thầu có hành vi vi phạm quy định tại Điều 16 của Luật Đấu thầu hoặc vi phạm pháp luật về đấu thầu dẫn đến phải hủy thầu theo quy định tại điểm d và điểm đ khoản 1 Điều 17 của Luật Đấu thầu;

3. Nhà thầu không thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Điều 68 của Luật Đấu thầu;

4. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối đối chiếu tài liệu trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời đối chiếu tài liệu hoặc đã đối chiếu tài liệu nhưng từ chối hoặc không ký biên bản đối chiếu tài liệu, trừ trường hợp bất khả kháng;

5. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối thương thảo hợp đồng (nếu có) trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được thông báo mời thương thảo hợp đồng hoặc đã thương thảo hợp đồng nhưng từ chối hoặc không ký biên bản thương thảo hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng;

6. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối hoàn thiện hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được thông báo trúng thầu của bên mời thầu, trừ trường hợp bất khả kháng;

7. Nhà thầu không tiến hành hoặc từ chối ký kết hợp đồng trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thiện hợp đồng, trừ trường hợp bất khả kháng.”.

8. Nếu bất kỳ thành viên nào trong liên danh ____ [*ghi đầy đủ tên của nhà thầu liên danh*] vi phạm quy định của pháp luật dẫn đến không được hoàn trả bảo đảm dự thầu theo quy định tại Mục 18.5 E-CDNT thì bảo đảm dự thầu của tất cả thành viên trong liên danh sẽ không được hoàn trả.

Trường hợp nhà thầu trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi nhà thầu ký kết hợp đồng và nộp bảo lãnh thực hiện hợp đồng cho Bên thụ hưởng theo thỏa thuận trong hợp đồng đó.

Trường hợp nhà thầu không trúng thầu, bảo lãnh này sẽ hết hiệu lực ngay sau khi chúng tôi nhận được bản chụp văn bản thông báo kết quả lựa chọn nhà thầu hoặc 30 ngày kể từ khi hết thời hạn hiệu lực của E-HSDT, tùy theo thời điểm nào đến trước.

Bất cứ yêu cầu bồi thường nào theo bảo lãnh này đều phải được gửi đến văn phòng chúng tôi trước hoặc trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh này.

Chúng tôi cam kết thanh toán vô điều kiện, không hủy ngang cho Chủ đầu tư bất cứ khoản tiền nào trong giới hạn số tiền bảo lãnh nêu trên khi có yêu cầu bồi thường của Chủ đầu tư.

Đại diện hợp pháp của ngân hàng
[ghi tên, chức danh, ký tên và đóng dấu]

Ghi chú:

(1) Trường hợp bảo lãnh dự thầu vi phạm một trong các quy định như: có giá trị thấp hơn, thời gian hiệu lực ngắn hơn so với yêu cầu quy định tại Mục 18.2 E-BDL, không đúng tên đơn vị thụ hưởng, không phải là bản gốc, không có chữ ký hợp lệ, ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT, hoặc có kèm theo điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu thì bảo lãnh dự thầu được coi là không hợp lệ.

(2) Tên nhà thầu có thể là một trong các trường hợp sau đây:

- Tên của cả nhà thầu liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B tham dự thầu thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu liên danh A + B”;

- Tên của thành viên chịu trách nhiệm thực hiện bảo lãnh dự thầu cho cả liên danh hoặc cho thành viên khác trong liên danh, ví dụ nhà thầu liên danh A + B + C tham dự thầu, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công cho nhà thầu A thực hiện bảo đảm dự thầu cho cả liên danh thì tên nhà thầu ghi là “nhà thầu A (thay mặt cho nhà thầu liên danh A + B + C)”, trường hợp trong thỏa thuận liên danh phân công nhà thầu B thực hiện bảo đảm dự thầu cho nhà thầu B và C thì tên nhà thầu ghi là “Nhà thầu B (thay mặt cho nhà thầu B + C)”;

- Tên của thành viên liên danh thực hiện riêng rẽ bảo lãnh dự thầu.

- Trường hợp trong thỏa thuận liên danh không phân công cụ thể trách nhiệm thực hiện bảo đảm dự thầu của các thành viên trong liên danh nhưng tổng giá trị bảo đảm dự thầu của các thành viên liên danh đã thực hiện, đính kèm trong E-HSMT đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì vẫn được đánh giá là đáp ứng về giá trị bảo đảm dự thầu.

(3) Ghi theo quy định về thời gian hiệu lực tại Mục 18.2 E-BDL.

(4) Ghi ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định tại E-TBMT. Thời gian có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu được tính kể từ ngày có thời điểm đóng thầu đến ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu (thời điểm kết thúc hiệu lực của bảo lãnh dự thầu nằm trong ngày cuối cùng có hiệu lực của bảo lãnh dự thầu mà không cần thiết phải đến hết 24 giờ của ngày đó).

(5) Trường hợp bảo lãnh dự thầu thiếu một hoặc một số cam kết trong các nội dung cam kết nêu trên thì bị coi là điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư, Bên mời thầu theo quy định tại Mục 18.3 E-CDNT và thư bảo lãnh được coi là không hợp lệ.

Mẫu số 05A1 (Webform trên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG EPC, EP TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương ____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương ____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự với gói thầu đang xét (áp dụng đối với trường hợp nhà thầu chứng minh theo tiêu chí (i) mục 4 bảng số 01)			
1. Tính chất tương tự ⁽²⁾	<i>[ghi tính chất tương tự của hợp đồng]</i>		
2. Giá trị phần công việc EP đã thực hiện, được nghiệm thu ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>		

Mô tả lĩnh vực (<i>áp dụng đối với trường hợp nhà thầu chứng minh theo tiêu chí (ii) mục 4 bảng số 01</i>)	
1. Lĩnh vực của hợp đồng	<i>[ghi lĩnh vực của hợp đồng]</i>
2. Giá trị phân công việc EP đã thực hiện, được nghiệm thu ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Mẫu số 05A2 (Webform trên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG CUNG CẤP HÀNG HÓA (P) TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự đối với hàng hóa⁽²⁾			
1. Loại hàng hóa	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Lĩnh vực tổng quát của hàng hóa	<i>[ghi thông tin lĩnh vực nếu có]</i>		
3. Mã HS	<i>[ghi thông tin về mã HS nếu có]</i>		

4. Về giá trị hợp đồng đã thực hiện ⁽³⁾	<i>[ghi giá trị hợp đồng thực tế đã thực hiện căn cứ theo giá trị nghiệm thu, thanh lý hợp đồng]</i>
5. Về quy mô thực hiện	<i>[ghi quy mô theo hợp đồng]</i>
6. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

(3) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III để làm cơ sở đánh giá.

Mẫu số 05A3 (Webform trên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG TƯ VẤN (E) TƯƠNG TỰ DO NHÀ THẦU THỰC HIỆN⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____ [ghi tên đầy đủ của nhà thầu].

Thông tin về từng hợp đồng, mỗi hợp đồng cần bảo đảm các thông tin sau đây:

Tên và số hợp đồng	<i>[ghi tên đầy đủ của hợp đồng, số ký hiệu]</i>		
Ngày ký hợp đồng	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Ngày hoàn thành	<i>[ghi ngày, tháng, năm]</i>		
Giá hợp đồng ⁽²⁾	<i>[ghi tổng giá hợp đồng theo số tiền và đồng tiền đã ký]</i>		Tương đương _____ VND
Trường hợp là thành viên liên danh, ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh và giá trị phần hợp đồng mà nhà thầu đảm nhận	<i>[ghi tóm tắt phần công việc đảm nhận trong liên danh]</i>	<i>[ghi phần trăm giá trị phần hợp đồng đảm nhận trong tổng giá hợp đồng; số tiền và đồng tiền đã ký]</i>	Tương đương _____ VND
Tên dự án/dự toán mua sắm:	<i>[ghi tên đầy đủ của dự án/dự toán mua sắm có hợp đồng đang kê khai]</i>		
Tên Chủ đầu tư:	<i>[ghi tên đầy đủ của Chủ đầu tư trong hợp đồng đang kê khai]</i>		
Địa chỉ:	<i>[ghi đầy đủ địa chỉ hiện tại của Chủ đầu tư]</i>		
Điện thoại/fax:	<i>[ghi số điện thoại, số fax kể cả mã quốc gia, mã vùng]</i>		
E-mail:	<i>[ghi địa chỉ e-mail]</i>		
Mô tả tính chất tương tự đối với phần công việc E⁽³⁾			
1. Tên dịch vụ tư vấn	<i>[ghi thông tin phù hợp]</i>		
2. Tính chất tương tự của công việc tư vấn	<i>[Mô tả phần công việc liên quan đến gói thầu, kinh nghiệm về tư vấn các dự án tương tự]</i>		
3. Các đặc tính khác	<i>[ghi các đặc tính khác nếu cần thiết]</i>		

Ghi chú:

Nhà thầu nghiên cứu kỹ E-HSMT và đề xuất các hợp đồng tương tự để bảo đảm đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

(1) Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này. Trường hợp nhà thầu có nhiều hợp đồng tương tự thì kê khai từng hợp đồng theo Mẫu này.

(2) Trường hợp giá trị hợp đồng không tính bằng VND thì quy đổi sang VND theo tỷ giá theo quy định tại Mục 2.1 Chương III.

(3) Nhà thầu chỉ kê khai nội dung tương tự với yêu cầu của gói thầu.

Mẫu số 05B (webform trên Hệ thống)**KÊ KHAI NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA***(áp dụng đối với nhà thầu là nhà sản xuất)*Tên nhà thầu: _____ *[ghi tên đầy đủ của nhà thầu].*Số lượng nhà máy, cơ sở sản xuất (gọi chung là nhà máy): _____ *[Điền số lượng nhà máy]*

Đối với mỗi nhà máy, nhà thầu kê khai thông tin sau đây:

Tên nhà máy:	<i>[Ghi tên nhà máy]</i>
Địa chỉ:	<i>[Ghi địa chỉ nhà máy]</i>
Tổng mức đầu tư:	<i>[Ghi tổng mức đầu tư]</i>
Công suất thiết kế:	<i>[Ghi công suất thiết kế]</i>
Công suất thực hiện:	<i>[Ghi công suất thực hiện trong năm gần nhất]</i>
Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu.	<i>[Ghi sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng]</i>
Tiêu chuẩn sản xuất:	<i>[Ghi tiêu chuẩn sản xuất đang áp dụng, nếu có]</i>
Số lao động đang làm việc:	<i>[Ghi tổng số lao động đang làm việc tại nhà máy]</i>

Ghi chú:

Trong trường hợp liên danh, từng thành viên trong liên danh kê khai theo Mẫu này.

Nhà thầu phải đính kèm tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa được kê khai trong Mẫu này.

Mẫu số 06A (webform trên Hệ thống)**BẢNG ĐỀ XUẤT NHÂN SỰ CHỦ CHỐT**

Nhà thầu phải kê khai những nhân sự chủ chốt theo quy định tại điểm a Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các nhân sự này để tham gia thực hiện gói thầu. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động Trường hợp nhân sự chủ chốt (trừ nhân sự chủ chốt thực hiện phần công việc tư vấn) mà nhà thầu đề xuất trong E-HSĐT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSĐT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

STT	Họ và tên	Vị trí công việc
1	<i>[nhà thầu chọn nhân sự chủ chốt từ cơ sở dữ liệu của mình trên Hệ thống]</i>	<i>[ghi cụ thể vị trí công việc đảm nhận trong gói thầu]</i>
2	.	
...		

BẢNG LÝ LỊCH CHUYÊN MÔN CỦA NHÂN SỰ CHỦ CHỐT

Thông tin nhân sự						Công việc hiện tại					
Stt	Tên	Căn cước công dân/Hộ chiếu	Vị trí	Ngày, tháng, năm sinh	Chứng chỉ/Trình độ chuyên môn	Tên người sử dụng lao động	Địa chỉ của người sử dụng lao động	Chức danh	Số năm làm việc cho người sử dụng lao động hiện tại	Người liên lạc (trưởng phòng/cán bộ phụ trách nhân sự)	Điện thoại/ Fax/ Email
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]										
2	[ghi tên nhân sự chủ chốt 2]										
...											
n	[ghi tên nhân sự chủ chốt n]										

Nhà thầu phải cung cấp tất cả các thông tin được yêu cầu và chuẩn bị tài liệu để đối chiếu (bản chụp được chứng thực các văn bằng, chứng chỉ có liên quan, kinh nghiệm chuyên môn được kê khai tại Mẫu số 6C) trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có).

BẢNG KINH NGHIỆM CHUYÊN MÔN

STT	Tên nhân sự chủ chốt	Từ ngày	Đến ngày	Công ty/Dự án/Chức vụ/Hợp đồng Kinh nghiệm chuyên môn và quản lý có liên quan
1	[ghi tên nhân sự chủ chốt 1]
2				
...	...			

Liệt kê theo trình tự thời gian quá trình công tác của chuyên gia, không cần liệt kê các công việc đã làm không phù hợp hoặc không liên quan với công việc đang yêu cầu.

Nhà thầu phải chuẩn bị tài liệu chứng minh các nội dung đã kê khai để đối chiếu trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có).

BẢNG KÊ KHAI THIẾT BỊ CHỦ YẾU

Trường hợp gói thầu yêu cầu thiết bị chủ yếu, Nhà thầu phải kê khai những thiết bị chủ yếu theo quy định tại điểm b Mục 2.2 Chương III và phải chứng minh khả năng sẵn sàng huy động các thiết bị này để tham gia thực hiện gói thầu. Thiết bị chủ yếu có thể thuộc sở hữu của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp thiết bị chủ yếu mà nhà thầu đề xuất trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu bên mời thầu cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng thiết bị trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có thiết bị thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trong mọi trường hợp, nếu nhà thầu kê khai thiết bị không trung thực thì nhà thầu không được thay thế nhân sự, thiết bị khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 125 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP.

STT	Thông tin thiết bị								Hiện trạng		
	Loại thiết bị	Tên nhà sản xuất	Đời máy (model)	Công suất	Năm sản xuất	Tính năng	Xuất xứ	Số đăng ký/dăng kiểm (nếu có)	Địa điểm hiện tại của thiết bị	Thông tin về tình hình huy động, sử dụng thiết bị hiện tại	Nguồn thiết bị (Sở hữu của nhà thầu/đi thuê/cho thuê/chế tạo đặc biệt)
1											
...											

Đối với các thiết bị không thuộc sở hữu của mình thì nhà thầu phải kê khai thêm các thông tin dưới đây:

Chủ sở hữu						Thỏa thuận
Loại thiết bị	Tên chủ sở hữu	Địa chỉ chủ sở hữu	Số điện thoại	Số Fax	Telex	Thông tin chi tiết về thỏa thuận thuê/cho thuê/chế tạo thiết bị cụ thể cho dự án

Mẫu số 07 (Webform trên Hệ thống)**HỢP ĐỒNG TƯ VẤN, HÀNG HÓA, EPC, EP, PC, CHÌA KHÓA
TRAO TAY KHÔNG HOÀN THÀNH DO LỖI CỦA NHÀ THẦU
TRONG QUÁ KHỨ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

Các hợp đồng tư vấn, hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ theo quy định tại Mục 2.1 Chương III

Không có hợp đồng tư vấn, hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu kể từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III.

Có hợp đồng tư vấn, hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay đã ký nhưng không hoàn thành do lỗi của nhà thầu tính từ ngày 01 tháng 01 năm __ [ghi năm] theo quy định tại tiêu chí đánh giá 1 trong Bảng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm thuộc Mục 2.1 Chương III

Năm	Phần việc hợp đồng không hoàn thành	Mô tả hợp đồng	Tổng giá trị hợp đồng (giá trị, loại đồng tiền, tỷ giá hối đoái, giá trị tương đương bằng VND)
		Mô tả hợp đồng: _____ Tên Chủ đầu tư: _____ Địa chỉ: _____ Nguyên nhân không hoàn thành hợp đồng: _____	

Ghi chú:

(1) Nhà thầu phải kê khai chính xác, trung thực các hợp đồng **tu vấn, hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay** không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ; trường hợp Chủ đầu tư, Bên mời thầu phát hiện nhà thầu có hợp đồng **tu vấn, hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay** không hoàn thành do lỗi của nhà thầu trong quá khứ mà không kê khai thì nhà thầu được coi là có hành vi gian lận và E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại. Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

Mẫu số 08 (Webform trên Hệ thống)**TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH CỦA NHÀ THẦU ⁽¹⁾**

Tên nhà thầu: _____

Ngày: _____

Tên thành viên của nhà thầu liên danh (nếu có): _____

	Năm tài chính của nhà thầu từ ngày__ tháng__ đến ngày__ tháng__ (nhà thầu điền nội dung này)		
	Số liệu tài chính trong các năm gần nhất theo yêu cầu của E-HSMT (Hệ thống tự động trích xuất trên cơ sở năm tài chính của nhà thầu)		
	Năm 1:	Năm 2:	Năm 3:
Tổng tài sản			
Tổng nợ			
Giá trị tài sản ròng			
Doanh thu hằng năm (không bao gồm cả thuế VAT)			
Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) ⁽²⁾	<i>(Hệ thống tự động tính)</i>		
Lợi nhuận trước thuế			
Lợi nhuận sau thuế			

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu liên danh thì từng thành viên liên danh phải kê khai theo Mẫu này.

(2) Để xác định doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT), nhà thầu chia tổng doanh thu của các năm (không bao gồm thuế VAT) cho số năm dựa trên thông tin đã được cung cấp.

Doanh thu hằng năm được tính bằng tổng doanh thu trong báo cáo tài chính của năm đó (chưa bao gồm thuế VAT).

Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = tổng doanh thu từng năm (không bao gồm thuế VAT) theo yêu cầu của E-HSMT/số năm.

Trường hợp nhà thầu mới thành lập không đủ số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên cơ sở số năm mà nhà thầu có số liệu tài chính.

Doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được trích xuất từ hồ sơ năng lực của nhà thầu. Trường hợp nhà thầu nhận thấy doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) trong hồ sơ năng lực của nhà thầu chưa được Hệ thống cập nhật từ Hệ thống thuế điện tử và Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp thì nhà thầu tự cập nhật thông tin về doanh thu hằng năm (không bao gồm thuế VAT) vào hồ sơ năng lực để tham dự thầu nhưng bảo đảm phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nhà thầu phải chuẩn bị các tài liệu để đối chiếu các thông tin mà nhà thầu kê khai trong quá trình đối chiếu tài liệu, thương thảo hợp đồng (nếu có) như sau:

Bản sao các báo cáo tài chính (các bảng cân đối kế toán bao gồm tất cả thuyết minh có liên quan, và các báo cáo kết quả kinh doanh) cho các năm như đã nêu trên, tuân thủ các điều kiện sau:

1. Phản ánh tình hình tài chính của nhà thầu hoặc thành viên liên danh (nếu là nhà thầu liên danh) mà không phải tình hình tài chính của một chủ thể liên kết như công ty mẹ liên kết với công ty con hoặc công ty liên kết với nhà thầu hoặc thành viên liên danh.

2. Các báo cáo tài chính phải hoàn chỉnh, đầy đủ nội dung theo quy định.

3. Các báo cáo tài chính phải tương ứng với các kỳ kế toán đã hoàn thành kèm theo bản chụp được chứng thực một trong các tài liệu sau đây:

- Biên bản kiểm tra quyết toán thuế;

-
- Tờ khai tự quyết toán thuế (thuế giá trị gia tăng và thuế thu nhập doanh nghiệp) có xác nhận của cơ quan thuế về thời điểm đã nộp tờ khai;
 - Tài liệu chứng minh việc nhà thầu đã kê khai quyết toán thuế điện tử;
 - Văn bản xác nhận của cơ quan quản lý thuế (xác nhận số nộp cả năm) về việc thực hiện nghĩa vụ nộp thuế;
 - Báo cáo kiểm toán (nếu có);
 - Các tài liệu khác.

Các tài liệu trên đây phải phù hợp với số liệu nhà thầu đã kê khai trên Hệ thống Thuế điện tử tại thời điểm đóng thầu.

Mẫu số 09A (Webform trên Hệ thống)**PHẠM VI CÔNG VIỆC SỬ DỤNG NHÀ THẦU PHỤ⁽¹⁾**

STT	Tên nhà thầu phụ⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

(1) Trường hợp E-HSMT có quy định về việc sử dụng nhà thầu phụ thì nhà thầu kê khai theo Mẫu này.

(2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ. Trường hợp khi tham dự thầu chưa xác định được cụ thể danh tính của nhà thầu phụ thì không phải kê khai vào cột này mà chỉ kê khai vào cột “Phạm vi công việc”. Nếu nhà thầu trúng thầu thì khi huy động nhà thầu phụ thực hiện công việc đã kê khai phải được sự chấp thuận của Chủ đầu tư.

(3) Nhà thầu ghi cụ thể tên hạng mục công việc dành cho nhà thầu phụ.

(4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ.

(5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đảm nhận so với giá dự thầu.

(6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT. Trường hợp chưa xác định được tên nhà thầu phụ thì để trống cột này.

Mẫu số 09B (Webform trên Hệ thống)**BẢNG KÊ KHAI NHÀ THẦU PHỤ ĐẶC BIỆT ⁽¹⁾**

Nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 2.3 Mục 2 Chương III.

STT	Tên nhà thầu phụ đặc biệt⁽²⁾	Phạm vi công việc⁽³⁾	Khối lượng công việc⁽⁴⁾	Giá trị % ước tính⁽⁵⁾	Hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận với nhà thầu phụ đặc biệt⁽⁶⁾
1					
2					
3					
4					
...					

Ghi chú:

- (1) Trường hợp sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt thì kê khai theo Mẫu này.
- (2) Nhà thầu ghi cụ thể tên nhà thầu phụ đặc biệt.
- (3) Chủ đầu tư ghi cụ thể tên hạng mục công việc sẽ được sử dụng nhà thầu phụ đặc biệt.
- (4) Nhà thầu ghi cụ thể khối lượng công việc dành cho nhà thầu phụ đặc biệt.
- (5) Nhà thầu ghi cụ thể giá trị % công việc mà nhà thầu phụ đặc biệt đảm nhận so với giá trị gói thầu.
- (6) Nhà thầu ghi cụ thể số hợp đồng hoặc văn bản thỏa thuận và đính kèm bản scan các tài liệu này trong E-HSDT.

Mẫu số 09C (Webform trên Hệ thống)

**DANH SÁCH CÁC CÔNG TY CON, CÔNG TY THÀNH VIÊN
ĐẢM NHẬN PHẦN CÔNG VIỆC CỦA GÓI THẦU⁽¹⁾**

STT	Tên công ty con, công ty thành viên ⁽²⁾	Công việc đảm nhận trong gói thầu ⁽³⁾	Giá trị % so với giá dự thầu ⁽⁴⁾	Ghi chú
1				
2				
3				
4				
5				
...				

Ghi chú:

(1) Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc gói thầu thì phải kê khai cụ thể tại bảng này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu căn cứ vào giá trị, khối lượng do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhận trong gói thầu. Trường hợp nhà thầu tham dự thầu không phải là công ty mẹ thì không áp dụng Mẫu này.

(2) Ghi cụ thể tên công ty con, công ty thành viên.

(3) Ghi cụ thể phần công việc đảm nhận của công ty con, công ty thành viên.

(4) Ghi cụ thể giá trị % công việc của công ty con, công ty thành viên đảm nhận so với giá dự thầu.

Mẫu số 10A (Webform trên Hệ thống)**BẢNG TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN**

Phần này đưa ra yêu cầu chi tiết tiến độ yêu cầu cho gói thầu EP này với nội dung chi tiết và các mốc thời gian quan trọng liên quan đến nghiệm thu, chuyển tiếp và đồng bộ với các công tác khác của dự án cũng như các mốc thời gian làm cơ sở xác định việc thưởng phạt tiến độ trong hợp đồng.

Nhà thầu đề xuất tiến độ thực hiện phù hợp với yêu cầu của E-HSMT và phù hợp với đề xuất kỹ thuật của nhà thầu.

Bảng 1 - Thời hạn hoàn thành toàn bộ công trình, hệ thống do nhà thầu đề xuất
(tính từ khi hợp đồng có hiệu lực đến khi hoàn thành toàn bộ công trình, hệ thống)

Tên công trình, hệ thống (1)	Thời hạn hoàn thành toàn bộ công trình, hệ thống (2)	Thời hạn hoàn thành toàn bộ công trình, hệ thống do nhà thầu đề xuất (3)

(1), (2): Trích xuất từ Mẫu số 01E Chương này

(3): Nhà thầu chào, thời hạn hoàn thành toàn bộ công trình, hệ thống do nhà thầu đề xuất không được vượt thời hạn hoàn thành toàn bộ công trình, hệ thống do chủ đầu tư yêu cầu

Bảng 2 - Các mốc thời gian hoàn thành quan trọng

TT	Hạng mục công việc (1)	Thời gian bắt đầu (2)	Thời gian hoàn thành (3)
1			
2			
...			

Trường hợp chủ đầu tư không đưa ra yêu cầu về các mốc thời gian hoàn thành quan trọng tại Bảng 2 theo Mẫu số 01E thì nhà thầu tự điền vào Bảng này.

ĐỀ XUẤT VỀ HÀNG HÓA CỦA NHÀ THẦU

STT	Danh mục hàng hóa	Ký mã hiệu	Nhãn hiệu	Năm sản xuất	Xuất xứ (quốc gia, vùng lãnh thổ sản xuất)	Hãng sản xuất	Cấu hình, tính năng kỹ thuật cơ bản	Đơn vị tính	Khối lượng	Mã HS	Đơn giá	Thành tiền
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)		
1	Hàng hóa thứ 1											
2	Hàng hóa thứ 2											
...												
n	Hàng hóa thứ n											

Ghi chú:

Nhà thầu điền các thông tin theo bảng trên. Trường hợp nhà thầu không đề xuất cụ thể ký mã hiệu, nhãn hiệu, xuất xứ, hãng sản xuất thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Ví dụ: nhà thầu kê khai trong Mẫu này Ký mã hiệu: “theo đề xuất kỹ thuật”; nhãn hiệu: “theo E-HSĐT”, xuất xứ: “theo đề xuất kỹ thuật”... thì E-HSĐT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

Trường hợp hàng hóa không có ký mã hiệu thì nhà thầu ghi “không có” vào cột số (3). Trường hợp hãng sản xuất có ký mã hiệu nhưng nhà thầu ghi “không có” thì E-HSDT của nhà thầu không được xem xét, đánh giá.

(2), (9) “Danh mục hàng hóa” và “Đơn vị tính” do Nhà thầu đề xuất được trích xuất sang Mẫu 11.1 (11.1A hoặc 11.1B hoặc 11.1C hoặc 11.1D) hoặc 11.2 (11.2A hoặc 11.2B hoặc 11.2C hoặc 11.2D).

(10) Nhà thầu kê khai khối lượng phù hợp với thiết kế.

(11) Trường hợp cột này bỏ trống và nhà thầu biết mã HS của hàng hóa thì nhà thầu liệt kê.

(12) Hệ thống tự trích xuất sau khi nhà thầu hoàn thành Bảng số 11.1 hoặc Bảng số 11.2.

(13) Hệ thống tự tính.

Mẫu số 11.1A (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Áp dụng loại hợp đồng trọn gói)
(Nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí)

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
<i>Bảng giá 1: Công việc chung</i>			<i>(A1)</i>
<i>1.1 Bảo hành</i>			<i>A1.1</i>
<i>1.2 Bảo hiểm hàng hóa...</i>			<i>A1.2</i>
<i>1.3 Bảo trì 12 tháng sau khi hoàn thành</i>			<i>A1.3</i>
<i>1.4 Cung cấp và trang bị nơi làm việc của các chuyên gia...</i>			<i>A1.4</i>
<i>1.5 Duy trì nơi làm việc của chuyên gia</i>			<i>A1.5</i>
...			<i>A1.n</i>
<i>Bảng giá 2: Công tác thiết kế</i>			<i>(A2)</i>
<i>2.1 Công việc 1</i>			<i>A2.1</i>
<i>2.2 Công việc 2</i>			<i>A2.2</i>
....			<i>A2.n</i>
<i>Bảng giá 3: Hàng hóa</i>			<i>(A3)</i>
<i>3.1 Công việc 1</i>			<i>A3.1</i>
<i>3.2 Công việc 2</i>			<i>A3.2</i>
....			<i>A3.n</i>
<i>Bảng giá 4: Công tác lắp đặt, dịch vụ liên quan</i>			<i>(A4)</i>
<i>4.1 Công việc 1</i>			<i>A4.1</i>
<i>4.2 Công việc 2</i>			<i>A4.2</i>
...			<i>A4.n</i>

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
<i>Bảng giá 5: Hàng hóa dự phòng (nếu có)</i>			<i>(A5)</i>
<i>5.1 Công việc 1</i>			<i>A5.1</i>
<i>5.2 Công việc 2</i>			<i>A5.2</i>
...			<i>A5.n</i>
<i>Tổng giá trị công việc</i>			<i>(A)</i>
<i>Giá dự thầu trước thuế</i>			<i>A</i>
<i>Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu hàng hóa</i>			<i>(E)</i>
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)</i>			<i>(G)</i>
<i>Thuế giá trị gia tăng (VAT)</i>			<i>(H)</i>
<i>Tổng giá trị thuế (E + G + H) ⁽²⁾</i>			<i>(I)</i>
<i>Giá dự thầu sau thuế, phí, lệ phí</i>			<i>M = A + I</i>

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01A thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01A sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp

giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

(2) Trường hợp nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí theo Mẫu này thì khi đánh giá về giá không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất thì chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) sẽ được xác định cụ thể trong bước thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc tại bước hoàn thiện hợp đồng. Giá đề nghị trúng thầu, giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Mẫu số 11.1B (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)
(Nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí)

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
<i>Bảng giá 1: Công việc chung</i>			<i>(A1)</i>
<i>1.1 Bảo hành</i>			<i>A1.1</i>
<i>1.2 Bảo hiểm hàng hóa...</i>			<i>A1.2</i>
<i>1.3 Bảo trì 12 tháng sau khi hoàn thành</i>			<i>A1.3</i>
<i>1.4 Cung cấp và trang bị nơi làm việc của các chuyên gia...</i>			<i>A1.4</i>
<i>1.5 Duy trì nơi làm việc của chuyên gia</i>			<i>A1.5</i>
...			<i>A1.n</i>
<i>Bảng giá 2: Công tác thiết kế</i>			<i>(A2)</i>
<i>2.1 Công việc 1</i>			<i>A2.1</i>
<i>2.2 Công việc 2</i>			<i>A2.2</i>
....			<i>A2.n</i>
<i>Bảng giá 3: Hàng hóa</i>			<i>(A3)</i>
<i>3.1 Công việc 1</i>			<i>A3.1</i>
<i>3.2 Công việc 2</i>			<i>A3.2</i>
....			<i>A3.n</i>
<i>Bảng giá 4: Công tác lắp đặt, dịch vụ liên quan</i>			<i>(A4)</i>
<i>4.1 Công việc 1</i>			<i>A4.1</i>
<i>4.2 Công việc 2</i>			<i>A4.2</i>
...			<i>A4.n</i>

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
Bảng giá 5: Hàng hóa dự phòng (nếu có)			(A5)
5.1 Công việc 1			A5.1
5.2 Công việc 2			A5.2
...			A5.n
Tổng giá trị công việc			(A)
Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu hàng hóa			(E)
Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			(G)
Thuế giá trị gia tăng (VAT)			(H)
Tổng giá trị thuế (I) = (E + G + H) ⁽²⁾			(I)
Giá dự thầu sau thuế (A + I)			(J)
Chi phí dự phòng ⁽³⁾		b%	B=b% x J
Giá dự thầu trước thuế (= Tổng giá trị công việc, chi phí dự phòng)			D = A + B
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))			M = D + I

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01B thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01B sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

(2): Trường hợp nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí theo Mẫu này thì khi đánh giá về giá không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất thì chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) sẽ được xác định cụ thể trong bước thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc tại bước hoàn thiện hợp đồng. Giá đề nghị trúng thầu, giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có).

(3): Được trích xuất từ bảng mời thầu theo mẫu số 01B của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Mẫu số 11.1C (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)
(Nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí)

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
<i>Bảng giá 1: Công việc chung</i>			<i>(A1)</i>
<i>1.1 Bảo hành</i>			<i>A1.1</i>
<i>1.2 Bảo hiểm thiết bị...</i>			<i>A1.2</i>
<i>1.3 Bảo trì 12 tháng sau khi hoàn thành</i>			<i>A1.4</i>
<i>1.4 Cung cấp và trang bị nơi làm việc của các chuyên gia...</i>			<i>A1.4</i>
<i>1.5 Duy trì nơi làm việc của chuyên gia</i>			<i>A1.5</i>
<i>...</i>			<i>A1.n</i>
<i>Bảng giá 2: Công tác thiết kế</i>			<i>(A2)</i>
<i>2.1 Công việc 1</i>			<i>A2.1</i>
<i>2.2 Công việc 2</i>			<i>A2.2</i>
<i>....</i>			<i>A2.n</i>
<i>Bảng giá 3: Hàng hóa</i>			<i>(A3)</i>
<i>3.1 Công việc 1</i>			<i>A3.1</i>
<i>3.2 Công việc 2</i>			<i>A3.2</i>
<i>....</i>			<i>A3.n</i>
<i>Bảng giá 4: Công tác lắp đặt, dịch vụ liên quan</i>			<i>(A4)</i>
<i>4.1 Công việc 1</i>			<i>A4.1</i>

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
4.2 Công việc 2			A4.2
....			A4.n
Bảng giá 5: Hàng hóa dự phòng (nếu có)			(A5)
6.1 Công việc 1			A5.1
6.2 Công việc 2			A5.2
...			A5.n
Tổng giá trị công việc			(A)
Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu thiết bị			(E)
Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)			(G)
Thuế giá trị gia tăng (VAT)			(H)
Tổng giá trị thuế, phí, lệ phí (I) = (E + G + H) ⁽²⁾			(I)
Giá dự thầu sau thuế (A + I)			(J)
Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá ⁽³⁾		b2%	B2=b2%×J
Giá dự thầu trước thuế (= Tổng giá trị công việc, chi phí công nhật, chi phí dự phòng)			D = A + B2
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))			M= D + I

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu

trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01C thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01C sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

(2): Trường hợp nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí theo Mẫu này thì khi đánh giá về giá không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất thì chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) sẽ được xác định cụ thể trong bước thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc tại bước hoàn thiện hợp đồng. Giá đề nghị trúng thầu, giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có).

(3): Được trích xuất từ bảng mời thầu theo mẫu số 01C của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Mẫu số 11.1D (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng hỗn hợp)
(Nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí)

I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: [<i>Hệ thống tự tính</i>]			X1

II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: [<i>Hệ thống tự tính</i>]			A
<i>Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu hàng hóa</i>			E
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)</i>			G
<i>Thuế giá trị gia tăng (VAT)</i>			H
Tổng giá trị thuế, phí, lệ phí (I) = (E + G + H)			I
Giá dự thầu sau thuế (A + I)			J

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
	<i>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh⁽²⁾</i>	b1%	$B1 = b1\% \times J$
	Tổng hợp giá dự thầu (chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))		X2=A+B1

III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: [<i>Hệ thống tự tính</i>]			A
<i>Thuế, phí, lệ phí liên quan đến nhập khẩu hàng hóa</i>			E
<i>Thuế tiêu thụ đặc biệt (nếu có)</i>			G
<i>Thuế giá trị gia tăng (VAT)</i>			H
Tổng giá trị thuế, phí, lệ phí (K) = (E + G + H)			K
Giá dự thầu sau thuế (A + K)			J
	<i>Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá⁽²⁾</i>	b2%	$B2 = b2\% \times J$
Tổng hợp giá dự thầu (chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))			X3 = A + B2

IV. Tổng hợp giá dự thầu

Stt	Các hạng mục	Giá theo các hạng mục
I	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói	X1
II	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định	X2
III	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	X3
IV	Tổng giá trị thuế, phí, lệ phí cho các hạng mục công việc áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định và đơn giá điều chỉnh ⁽³⁾	$X4 = I + K$
V	Tổng cộng giá dự thầu chưa bao gồm thuế, phí, lệ phí	$D=X1+X2+X3$
VI	Tổng cộng giá dự thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (Trích xuất ra giá dự thầu)	$M=D+X4$

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01D thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01D sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

(2): Được trích xuất từ bảng mời thầu theo mẫu số 01D của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

(3): Trường hợp nhà thầu chào tách chi phí về thuế, phí, lệ phí theo Mẫu này thì khi đánh giá về giá không xem xét và không đưa vào để so sánh, xếp hạng nhà thầu đối với chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có). Trường hợp nhà thầu được xếp hạng thứ nhất thì chi phí về thuế, phí, lệ phí (nếu có) sẽ được xác định cụ thể trong bước thương thảo hợp đồng (nếu có) hoặc tại bước hoàn thiện hợp đồng. Giá đề nghị trúng thầu, giá hợp đồng phải bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có).

Mẫu số 11.2A (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với hợp đồng trọn gói)
(Nhà thầu chào giá đã bao gồm chi phí về thuế, phí, lệ phí)

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục⁽¹⁾
<i>Bảng giá 1: Công việc chung</i>			<i>(A1)</i>
<i>1.1 Bảo hành</i>			<i>A1.1</i>
<i>1.2 Bảo hiểm hàng hóa...</i>			<i>A1.2</i>
<i>1.3 Bảo hiểm bên thứ 3</i>			<i>A1.3</i>
<i>1.4 Bảo trì 12 tháng sau khi hoàn thành</i>			<i>A1.4</i>
<i>1.5 Cung cấp và trang bị nơi làm việc của các chuyên gia...</i>			<i>A1.5</i>
<i>1.6 Duy trì nơi làm việc của chuyên gia</i>			<i>A1.6</i>
<i>...</i>			<i>A1.n</i>
<i>Bảng giá 2: Công tác thiết kế</i>			<i>(A2)</i>
<i>2.1 Công việc 1</i>			<i>A2.1</i>
<i>2.2 Công việc 2</i>			<i>A2.2</i>
<i>....</i>			<i>A2.n</i>
<i>Bảng giá 3: Hàng hóa nhập khẩu</i>			<i>(A3)</i>
<i>3.1 Công việc 1</i>			<i>A3.1</i>
<i>3.2 Công việc 2</i>			<i>A3.2</i>
<i>....</i>			<i>A3.n</i>
<i>Bảng giá 4: Hàng hóa trong nước</i>			<i>(A4)</i>
<i>4.1 Công việc 1</i>			<i>A4.1</i>

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục⁽¹⁾
4.2 Công việc 2			A4.2
....			A4.n
Bảng giá 5: Công tác lắp đặt, dịch vụ liên quan			(A5)
5.1 Công việc 1			A5.1
5.2 Công việc 2			A5.2
...			A5.n
Bảng giá 6: Hàng hóa dự phòng (nếu có)			(A6)
6.1 Công việc 1			A6.1
6.2 Công việc 2			A6.2
...			A6.n
Tổng giá trị công việc			(A)
Tổng giá dự thầu đã bao gồm thuế, phí, lệ phí			A

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01A thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01A sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

Mẫu số 11.2B (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định)
(Nhà thầu chào giá đã bao gồm chi phí về thuế, phí, lệ phí)

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật, Trang số..	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
<i>Bảng giá 1: Công việc chung</i>			<i>(A1)</i>
<i>1.1 Bảo hành</i>			<i>A1.1</i>
<i>1.2 Bảo hiểm hàng hóa...</i>			<i>A1.2</i>
<i>1.3 Bảo hiểm bên thứ 3</i>			<i>A1.3</i>
<i>1.4 Bảo trì 12 tháng sau khi hoàn thành</i>			<i>A1.4</i>
<i>1.5 Cung cấp và trang bị nơi làm việc của các chuyên gia...</i>			<i>A1.5</i>
<i>1.6 Duy trì nơi làm việc của chuyên gia</i>			<i>A1.6</i>
<i>...</i>			<i>A1.n</i>
<i>Bảng giá 2: Công tác thiết kế</i>			<i>(A2)</i>
<i>2.1 Công việc 1</i>			<i>A2.1</i>
<i>2.2 Công việc 2</i>			<i>A2.2</i>
<i>....</i>			<i>A2.n</i>
<i>Bảng giá 3: Hàng hóa nhập khẩu</i>			<i>(A3)</i>
<i>3.1 Công việc 1</i>			<i>A3.1</i>
<i>3.2 Công việc 2</i>			<i>A3.2</i>
<i>....</i>			<i>A3.n</i>

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật, Trang số..	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
Bảng giá 4: Hàng hóa trong nước			(A4)
4.1 Công việc 1			A4.1
4.2 Công việc 2			A4.2
....			A4.n
Bảng giá 5: Công tác lắp đặt, dịch vụ liên quan			(A5)
5.1 Công việc 1			A5.1
5.2 Công việc 2			A5.2
...			A5.n
Bảng giá 6: Hàng hóa dự phòng (nếu có)			(A6)
6.1 Công việc 1			A6.1
6.2 Công việc 2			A6.2
...			A6.n
Tổng giá trị công việc			(A)
Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh ⁽²⁾		b1%	B=b1%xA
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))			M = A + B

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu

cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSMT của nhà thầu sẽ bị loại.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01B thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01B sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

(2): Được trích xuất từ bảng mời thầu tại mẫu số 01B của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Mẫu số 11.2C (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh)
(Nhà thầu chào giá đã bao gồm chi phí về thuế, phí, lệ phí)

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
<i>Bảng giá 1: Công việc chung</i>			<i>(A1)</i>
<i>1.1 Bảo hành</i>			<i>A1.1</i>
<i>1.2 Bảo hiểm hàng hóa...</i>			<i>A1.2</i>
<i>1.3 Bảo hiểm bên thứ 3</i>			<i>A1.3</i>
<i>1.4 Bảo trì 12 tháng sau khi hoàn thành</i>			<i>A1.4</i>
<i>1.5 Cung cấp và trang bị nơi làm việc của các chuyên gia...</i>			<i>A1.5</i>
<i>1.6 Duy trì nơi làm việc của chuyên gia</i>			<i>A1.6</i>
<i>...</i>			<i>A1.n</i>
<i>Bảng giá 2: Công tác thiết kế</i>			<i>(A2)</i>
<i>2.1 Công việc 1</i>			<i>A2.1</i>
<i>2.2 Công việc 2</i>			<i>A2.2</i>
<i>....</i>			<i>A2.n</i>
<i>Bảng giá 3: Hàng hóa nhập khẩu</i>			<i>(A3)</i>
<i>3.1 Công việc 1</i>			<i>A3.1</i>
<i>3.2 Công việc 2</i>			<i>A3.2</i>
<i>....</i>			<i>A3.n</i>
<i>Bảng giá 4: Hàng hóa trong nước</i>			<i>(A4)</i>
<i>4.1 Công việc 1</i>			<i>A4.1</i>

Tổng hợp các hạng mục công việc	Yêu cầu kỹ thuật, Chỉ dẫn kỹ thuật	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
4.2 Công việc 2			A4.2
....			A4.n
Bảng giá 5: Công tác xây dựng, lắp đặt			(A5)
5.1 Công việc 1			A5.1
5.2 Công việc 2			A5.2
...			A5.n
Bảng giá 6: Hàng hóa dự phòng (nếu có)			(A6)
6.1 Công việc 1			A6.1
6.2 Công việc 2			A6.2
...			A6.n
Tổng giá trị công việc			(A)
Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá ⁽²⁾		b2%	B2=b2%xA
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))			M = A + B2

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSDT của nhà thầu sẽ bị loại.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01C thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01C sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

(2): Được trích xuất từ bảng mời thầu tại mẫu số 01C của Chủ đầu tư. Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

Mẫu số 11.2D (Webform trên Hệ thống)

BẢNG TỔNG HỢP GIÁ DỰ THẦU
(Đối với loại hợp đồng hỗn hợp)
(Nhà thầu chào giá đã bao gồm chi phí về thuế, phí, lệ phí)

I. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: [<i>Hệ thống tự tính</i>]			X1

II. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định

STT	Mô tả công việc ⁽²⁾	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			
Tổng cộng: [<i>Hệ thống tự tính</i>]			A
Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh⁽²⁾		b1%	$B1 = b1\% \times A$
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))			$X2 = A + B1$

III. Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
1	Hạng mục công việc 1		
2	Hạng mục công việc 2		
..			

STT	Mô tả công việc	Đơn vị tính	Giá theo các hạng mục ⁽¹⁾
Tổng cộng: [Hệ thống tự tính]			A
	Chi phí dự phòng cho khối lượng phát sinh và chi phí dự phòng trượt giá ⁽²⁾	b2%	$B2 = b2\% \times A$
Tổng hợp giá dự thầu (đã bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có))			$X3=A+B2$

IV. Tổng hợp giá dự thầu

Stt	Các hạng mục	Giá theo các hạng mục
I	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng trọn gói	X1
II	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá cố định	X2
III	Các hạng mục áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá điều chỉnh	X3
	Tổng cộng (Trích xuất ra giá dự thầu)	$M = X1 + X2 + X3$

Ghi chú:

(1): nhà thầu ghi giá theo các hạng mục.

- Giá dự thầu của nhà thầu được coi là đã bao gồm toàn bộ các chi phí cần thiết để thực hiện gói thầu và yêu cầu kỹ thuật nêu trong E-HSMT, không tiến hành hiệu chỉnh sai lệch trong trường hợp hạng mục công việc mà nhà thầu đề xuất trong bảng tổng hợp giá dự thầu khác so với bảng kê hạng mục công việc nêu trong E-HSMT, trừ trường hợp công việc được đề xuất khác đó ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT (ngoài khối lượng để hoàn thành gói thầu trên cơ sở tuân thủ yêu cầu kỹ thuật tại Chương V). Trong trường hợp này, phần công việc ngoài phạm vi yêu cầu trong E-HSMT sẽ được coi là chào thừa và được hiệu chỉnh theo quy định.

- Giá dự thầu của nhà thầu phải bao gồm toàn bộ các khoản thuế, phí, lệ phí (nếu có) áp theo thuế suất, mức phí, lệ phí tại thời điểm 28 ngày trước ngày có thời

điểm đóng thầu theo quy định. Trường hợp nhà thầu tuyên bố giá dự thầu không bao gồm thuế, phí, lệ phí (nếu có) thì E-HSĐT của nhà thầu sẽ bị loại.

- Trường hợp chủ đầu tư đưa ra Bảng kê hạng mục công việc theo Mẫu số 01D thì các hạng mục công việc tại Mẫu số 01D sẽ trích xuất sang các Bảng tổng hợp giá dự thầu. Nhà thầu có thể bổ sung, thêm, bớt các hạng mục công việc và hạng mục công việc thành phần trong Bảng tổng hợp giá dự thầu.

1. Nội dung và bố cục:

Bảng giá dự thầu gồm các phần chính như sau:

- a) Giá cho phần công việc chung, các công việc chính*
- b) Giá cho các công việc thành phần*
- c) Chi phí dự phòng (nếu có)*
- d) Giá dự thầu trước thuế (trong trường hợp nhà thầu chào tách thuế)*
- đ) Thuế, phí, lệ phí (trong trường hợp nhà thầu chào tách thuế)*
- e) Giá dự thầu sau thuế.*

2. Giá cho phần công việc chính

Giá cho phần công việc chính cần kèm theo giới thiệu chỉ rõ các thành phần cấu thành của bảng giá, nêu phương pháp tính toán khối lượng đã được sử dụng trong việc lập bảng giá này và sẽ được áp dụng để tính toán khối lượng phục vụ cho việc đo lường, nghiệm thu, thanh toán đối với công việc trong bảng giá này.

3. Giá cho các công việc thành phần

Các công việc thành phần trong bảng giá dự thầu nên được nhóm thành từng phần theo bản chất, địa điểm, thời gian hoặc các đặc điểm khác làm cho chi phí thực hiện có sự khác biệt. Việc hình thành và bố cục thành phần bảng giá thường được thực hiện trên cơ sở từng hạng mục riêng biệt của công trình và phải liên kết chặt chẽ với bố cục trong thuyết minh chỉ dẫn kỹ thuật và các yêu cầu thiết kế công trình, hệ thống.

Các phần công việc chung cần phải thực hiện để hỗ trợ cho các phần của công việc khác trong bảng giá này có thể nhóm lại thành một hoặc một số mục riêng trong bảng giá này. Khi việc điều chỉnh giá theo các phần công việc được áp dụng, các yếu tố điều chỉnh giá thường liên quan đến các phần tương ứng trong bảng giá.

4. Khối lượng mời thầu và phương pháp tính

Không nên lấy toàn bộ danh mục công việc trong thiết kế cơ sở, thiết kế FEED để cấu trúc thành khối lượng mời thầu mà nên rút gọn, đưa danh mục theo tiêu chí cần kiểm soát, giám sát nghiệm thu. Đối với các khối lượng liên quan tới biện pháp thực hiện mà nhà thầu có thể chủ động cải tiến nhằm tăng năng suất, hiệu quả thì không nên đưa chi tiết.

- Danh mục và khối lượng công việc phải phù hợp với nguyên tắc quản lý thanh toán sau này.

5. Đơn vị đo lường

Có thể quy định chung các đơn vị đo lường và cách viết tắt để sử dụng. Ví dụ:

Đơn vị	Viết tắt	Đơn vị	Viết tắt
Mét khối	m^3	tấn	T
hécta	ha	millimét	mm
giờ	h	Mét vuông	m^2
kilogram	kg	Millimét vuông	mm^2
mét	m		

6. Giá trị dự phòng và tổng giá trị dự phòng tạm tính

- Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng trọn gói, nhà thầu phải tính toán giá dự thầu bao gồm chi phí cho các loại thuế, phí, lệ phí (nếu có), chi phí dự phòng và phân bổ vào trong giá dự thầu.

- Đối với gói thầu áp dụng loại hợp đồng theo đơn giá, giá trị dự phòng, tạm tính là phần giá trị được đưa vào hợp đồng nhằm mục đích dự trừ trước khoản tiền trong hợp đồng để thanh toán cho các nội dung điều chỉnh đã được quy định trong hợp đồng, tránh việc thanh toán hợp đồng cho các phần điều chỉnh làm vượt giá hợp đồng hoặc tránh phải phê duyệt bổ sung các chi phí khác có thể phát sinh sau này làm chậm trễ các thủ tục thực hiện.

Nên xây dựng khối lượng dự phòng cho từng thành phần hoặc loại hình công việc có khả năng bị vượt khối lượng bằng cách điền thêm mục dự phòng vào trong Bảng tổng hợp giá dự thầu. Đối với các phần khác ngoài các công việc nêu ở trên, giá trị dự phòng khối lượng nên được lập trong phần Chi phí dự phòng

trong phần Tổng giá trị công việc và chi phí dự phòng. Tương tự, dự phòng trượt giá cũng cần được lập trong Chi phí dự phòng trong phần Tổng giá trị công việc và chi phí dự phòng.

Chi phí dự phòng chỉ được sử dụng khi có phát sinh khối lượng công việc trong thực tế.

7. Bảng tổng hợp giá dự thầu và lưu ý liên quan đến các loại thuế

- Bảng tổng hợp giá dự thầu bao gồm cả chi phí dự phòng cho ngày công, dự phòng khối lượng, dự phòng về trượt giá, các loại thuế.

- Các loại thuế: Cần lưu ý giá dự thầu và giá ký hợp đồng phải bao gồm các loại thuế có liên quan.

+ Những khoản thuế, phí dự kiến sẽ có thể biến động theo pháp luật trong quá trình thực hiện hợp đồng hoặc ngay tại thời điểm trước khi ký kết hợp đồng hai bên không thể có nguyên tắc rõ để xác định giá trị thì nên tách thành các mục riêng và quy định nguyên tắc quản lý, chi trả trong hợp đồng. Ví dụ như thuế nhập khẩu hàng hóa chính (thiết bị), thuế VAT,... Trường hợp nhà thầu chào tách thuế, phí, lệ phí theo các Mẫu số 11.1 thì các khoản thuế này không đưa vào so sánh, xếp hạng, đánh giá nhưng phải gồm trong giá ký hợp đồng để đảm bảo nguồn tiền thanh toán.

BẢNG KÊ KHAI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾

Nhà thầu chỉ được hưởng ưu đãi đối với các nội dung mà nhà thầu kê khai theo bảng dưới đây. Trường hợp nhà thầu không tích chọn thì không được hưởng ưu đãi về nội dung này.

STT	Tên hàng hóa	Xuất xứ <i>[ghi tên quốc gia, vùng lãnh thổ, ký mã hiệu, nhãn hiệu, hãng sản xuất]</i>	Hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 30% trở lên		Hàng hóa của cơ sở sản xuất có từ 50% lao động là người khuyết tật, thương binh, dân tộc thiểu số có hợp đồng lao động với thời gian thực hiện hợp đồng từ 03 tháng trở lên và đến thời điểm đóng thầu hợp đồng vẫn còn hiệu lực	Hàng hóa là sản phẩm đổi mới sáng tạo của mình quy định tại khoản 4 Điều 5 của Nghị định số 24/2024/NĐ-CP mà sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong 6 năm gần đây	Kê khai chi phí trong nước	
			Tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước dưới 50%	Tỷ lệ chi phí sản xuất trong nước trên 50%			Theo Mẫu 12B	Theo Mẫu 12C
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1	Hàng hóa thứ 1		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
2	Hàng hóa thứ 2		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>
...	...							
n	Hàng hóa thứ n		<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>	<input type="checkbox"/>

Ghi chú:

(1), (2): Hệ thống tự động trích xuất từ Mẫu số 10B (Hệ thống cho phép nhà thầu được chỉnh sửa)

(3), (4), (5), (6): Nhà thầu đánh dấu vào ô tương ứng với từng loại hàng hóa. (Trường hợp nhà thầu tích chọn vào cột (3), (4) thì Hệ thống sẽ cho phép nhà thầu chọn cột (5), (6), (7), (8)).

(7), (8): Đối với hàng hóa có chi phí sản xuất trong nước từ 30% trở lên nhà thầu chọn cách kê khai chi phí sản xuất trong nước theo Mẫu 12B (trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại) hoặc 12C (trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam).

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI

(trường hợp kê khai chi phí nhập ngoại)

STT	Tên hàng hóa	Giá chào của hàng hóa trong E-HSDT	Giá trị thuế các loại	Kê khai các chi phí nhập ngoại	Chi phí sản xuất trong nước	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước
		(I)	(II)	(III)	$G^* = (I) - (II) - (III)$	$D(\%) = G^*/G$ Trong đó $G = (I) - (II)$
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)
1	Hàng hóa thứ 1					
2	Hàng hóa thứ 2					
...	...					
n	Hàng hóa thứ n					

Ghi chú:

(1): Hệ thống tự động trích xuất các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (7) của Mẫu số 12A.

(2): Hệ thống tự động trích xuất giá mà nhà thầu đã chào từ các Mẫu số 11.1 hoặc 11.2 (Hệ thống cho phép nhà thầu được phép chỉnh sửa).

(3), (4): Nhà thầu tự kê khai.

(5), (6): Hệ thống tự tính.

BẢNG KÊ KHAI CHI PHÍ SẢN XUẤT TRONG NƯỚC ĐỐI VỚI HÀNG HÓA ĐƯỢC HƯỞNG ƯU ĐÃI⁽¹⁾

(trường hợp kê khai chi phí sản xuất tại Việt Nam)

STT	Tên hàng hóa	Nhà thầu là nhà thương mại		Nhà thầu là nhà sản xuất	Chi phí sản xuất trong nước G*	Tỷ lệ % chi phí sản xuất trong nước	
		Giá chào của hàng hóa (I)	Giá trị thuế các loại ⁽²⁾ (II)	Giá xuất xưởng (giá EXW) của hàng hóa (G)		Nhà thầu là nhà thương mại	Nhà thầu là nhà sản xuất
						D(%)=G*/G Trong đó G = (I) - (II)	D(%)=G*/G
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
1	Hàng hóa thứ 1						
2	Hàng hóa thứ 2						
...	...						
n	Hàng hóa thứ n						

Ghi chú:

(1) Hệ thống tự động trích xuất các hàng hóa mà nhà thầu đã tích chọn vào cột (8) của Mẫu số 12A

Trường hợp nhà thầu là nhà thương mại, Hệ thống trích xuất giá chào của hàng hóa, nhà thầu kê khai chi phí sản xuất trong nước và giá trị thuế các loại (Hệ thống cho phép Nhà thầu được chỉnh sửa).

Trường hợp nhà thầu là nhà sản xuất, Hệ thống trích xuất giá xuất xưởng, nhà thầu kê khai chi phí sản xuất trong nước.

Mẫu số 13 (Webform trên Hệ thống)**ĐƠN DỰ THẦU⁽¹⁾
(thuộc E-HSĐXTC)**

Ngày: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Tên gói thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Kính gửi: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*]

Sau khi nghiên cứu E-HSMT, chúng tôi:

- Tên nhà thầu: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cam kết thực hiện gói thầu ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] số E-TBMT: ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] theo đúng yêu cầu nêu trong E-HSMT với giá dự thầu là ___ [*Hệ thống tự động trích xuất*] cùng với các bảng tổng hợp giá dự thầu kèm theo.

Ngoài ra, chúng tôi tự nguyện giảm giá dự thầu với tỷ lệ phần trăm giảm giá là ___ [*Ghi tỷ lệ phần trăm (%) giảm giá. Đối với loại hợp đồng theo đơn giá cố định, đơn giá điều chỉnh, giá trị giảm giá tính trên giá dự thầu chưa bao gồm chi phí dự phòng*].

Giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá là: ___ [*Hệ thống tự động tính trên cơ sở tính toán lại chi phí dự phòng sau khi giảm giá*] (đã bao gồm toàn bộ thuế, phí, lệ phí (nếu có)).

Hiệu lực của E-HSĐXTC: ___ [*Hệ thống trích xuất từ E-TBMT*].

Chúng tôi cam kết:

1. Những thông tin kê khai trong E-HSMT là trung thực.
2. Nếu E-HSMT của chúng tôi được chấp nhận, chúng tôi sẽ thực hiện biện pháp bảo đảm thực hiện hợp đồng theo quy định tại Mục 40 E-CDNT của E-HSMT.

Ghi chú:

(1) Đơn dự thầu được ký bằng chữ ký số của nhà thầu khi nhà thầu nộp E-HSMT.

Phần thứ hai. YÊU CẦU VỀ GÓI THẦU

Chương V. YÊU CẦU VỀ GÓI THẦU

I. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu

Mục này giới thiệu khái quát thông tin về dự án/dự toán mua sắm và gói thầu như địa điểm thực hiện dự án/dự toán mua sắm, quy mô của dự án/dự toán mua sắm, thời gian thực hiện gói thầu và những thông tin khác tùy theo tính chất và yêu cầu của gói thầu.

1. Giới thiệu chung về dự án/dự toán mua sắm

a) Dự án/dự toán mua sắm:

- Tên dự án/dự toán mua sắm:*
- Chủ đầu tư:*
- Nguồn vốn:*
- Quyết định đầu tư (đối với dự án):*
- Quyết định phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:*

b) Địa điểm:

c) Quy mô:

2. Giới thiệu chung về gói thầu

a) Phạm vi công việc của gói thầu;

b) Thời hạn hoàn thành.

II. Yêu cầu về tiến độ thực hiện

Mục này nêu yêu cầu về thời gian từ khi hợp đồng EP có hiệu lực tới khi hoàn thành hợp đồng theo ngày/tuần/tháng.

Trường hợp ngoài yêu cầu thời hạn hoàn thành cho toàn bộ công trình, hệ thống còn có yêu cầu tiến độ hoàn thành cho từng hạng mục công trình, hệ thống thì lập bảng yêu cầu tiến độ hoàn thành.

1. Yêu cầu về tiến độ chung của dự án/dự toán mua sắm

Phần này cung cấp cho nhà thầu tiến độ chung của dự án/dự toán mua sắm với các nội dung chi tiết đã được duyệt trong thiết kế mới nhất, bao gồm biểu đồ ngang về tiến độ các hợp phần của dự án/dự toán mua sắm có liên quan đến gói thầu.

2. Yêu cầu tiến độ của gói thầu và các mốc thời gian hoàn thành

Phần này cung cấp yêu cầu chi tiết tiến độ yêu cầu cho gói thầu EP này với nội dung chi tiết và các mốc thời gian hoàn thành quan trọng liên quan đến nghiệm thu, chuyển tiếp và đồng bộ với các công tác khác của dự án/dự toán mua sắm cũng như các mốc thời gian làm cơ sở xác định việc thưởng phạt tiến độ trong hợp đồng.

Các mốc tiến độ quan trọng yêu cầu kê trong bảng sau:

TT	Hạng mục công việc	Thời gian bắt đầu	Thời gian hoàn thành
1			
2			
...			

III. Yêu cầu về kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật

1. Yêu cầu về kỹ thuật, chỉ dẫn kỹ thuật

Để đảm bảo mục tiêu cạnh tranh, công bằng, minh bạch và hiệu quả kinh tế trong đấu thầu, toàn bộ các Chỉ dẫn kỹ thuật phải được soạn thảo dựa trên cơ sở quyết định đầu tư kèm theo các tài liệu hình thành quyết định đầu tư, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, hồ sơ thiết kế cập nhật sau cùng và các tài liệu hướng dẫn kèm theo, các quy định của pháp luật về đấu thầu.

Phần Chỉ dẫn kỹ thuật cần được bố cục chặt chẽ, đánh số mã hiệu theo hệ thống để đảm bảo tính nhất quán và logic trong quản lý. Phần Chỉ dẫn kỹ thuật viết đầy đủ các nội dung yêu cầu, bao gồm cả nguyên tắc nghiệm thu và thanh toán để tham chiếu từ bảng giá như mẫu Bảng khối lượng mời thầu và chào giá nêu trên.

Chỉ dẫn kỹ thuật bao gồm các nội dung chủ yếu sau:

- 1. Yêu cầu về thiết kế;*
- 2. Yêu cầu về cung cấp, lắp đặt hàng hóa; yêu cầu về cung cấp các dịch vụ kèm theo;*
- 3. Các quy trình, quy phạm áp dụng cho việc lắp đặt, nghiệm thu công trình, hệ thống;*
- 4. Các yêu cầu về tổ chức kỹ thuật triển khai, thực hiện, giám sát (nếu có);*

5. Các yêu cầu về trình tự thực hiện, lắp đặt;
6. Các yêu cầu về vận hành thử nghiệm, an toàn;
7. Các yêu cầu về phòng, chống cháy, nổ (nếu có);
8. Các yêu cầu về vệ sinh môi trường;
9. Các yêu cầu về an toàn lao động;
10. Biện pháp huy động nhân lực và thiết bị phục vụ thực hiện, lắp đặt;
11. Yêu cầu về hệ thống kiểm tra, giám sát chất lượng hệ thống của nhà thầu;
12. Các yêu cầu khác tùy theo đặc thù của gói thầu như: yêu cầu tương thích với hệ thống thiết bị/công trình hiện có, yêu cầu về sử dụng nguyên, nhiên, vật liệu đặc thù...
13. Yêu cầu về bảo hành, bảo trì, duy tu bảo dưỡng (nếu có);
14. Đấu thầu bền vững: Trường hợp có yêu cầu về đấu thầu bền vững thì chủ đầu tư cần đưa ra quy định bảo đảm sự thân thiện với môi trường, xã hội (vật liệu, biện pháp thực hiện...) nhưng phải bảo đảm các quy định này là rõ ràng, không làm hạn chế nhà thầu.

Trong Chỉ dẫn kỹ thuật không được đưa ra các điều kiện nhằm hạn chế sự tham gia của nhà thầu hoặc nhằm tạo lợi thế cho một hoặc một số nhà thầu gây ra sự cạnh tranh không bình đẳng, không được nêu các yêu cầu về nhãn hiệu, xuất xứ của hàng hóa làm giảm tính cạnh tranh trong đấu thầu.

Trường hợp đặc biệt khi không mô tả được chi tiết về đặc tính kỹ thuật, tính năng sử dụng, tiêu chuẩn kỹ thuật, tiêu chuẩn công nghệ trong E-HSMT thì có thể nêu nhãn hiệu, catalô của sản phẩm, hàng hóa cụ thể của một nhà sản xuất nào đó, hoặc hàng hóa từ một quốc gia để tham khảo, minh họa cho Chỉ dẫn kỹ thuật của hàng hóa thì phải ghi kèm theo cụm từ “hoặc tương đương” sau nhãn hiệu, catalô hoặc xuất xứ nêu ra và quy định rõ khái niệm tương đương nghĩa là có đặc tính kỹ thuật tương tự, có tính năng sử dụng là tương đương với các hàng hóa đã nêu để không tạo định hướng cho một sản phẩm hoặc cho một nhà thầu nào đó.

2. Yêu cầu các thông số bảo hành

Các thông số/yêu cầu tối thiểu về bảo hành mà nhà thầu phải kê khai và đáp ứng được liệt kê chi tiết trong bảng sau:

TT	Các thông số/yêu cầu	Yêu cầu tối thiểu	Đề xuất của nhà thầu
	<u>Thiết bị chính</u>		
1		
2		
	<u>Các thiết bị khác</u>		
1			
2			

E-HSDT có đề xuất về thông số bảo hành không đạt yêu cầu tối thiểu nêu trên sẽ bị loại và không được đánh giá các bước tiếp theo. Các chỉ tiêu bảo hành đề xuất trong từng E-HSDT sẽ được đánh giá theo nguyên tắc trên cùng một mặt bằng và tiêu chuẩn đánh giá quy định tại Chương III của E-HSMT.

Phương án thay thế: E-HSMT có thể quy định theo phương án nêu giá trị thông số bảo hành điển hình theo thiết kế và cho phép nhà thầu chào các thông số bảo hành dao động xung quanh giá trị này nhưng không vượt quá mức tối thiểu, mức tối đa nào đó (Ví dụ 5%).

IV. Các bản vẽ

Mục này liệt kê các bản vẽ kèm theo HSMT^(*).

STT	Ký hiệu	Tên bản vẽ	Phiên bản/ngày phát hành
1			
2			
3			
...			

Ghi chú:

(*): Chủ đầu tư căn cứ vào tình trạng thiết kế đã có sẵn được duyệt (nếu có) để cung cấp với tiêu chí:

- Đảm bảo tính pháp lý và bảo mật cần thiết;
- Cung cấp tối đa thông tin của dự án để nhà thầu hiểu biết tốt nhất trong chuẩn bị HSDT.

Phần 3. ĐIỀU KIỆN HỢP ĐỒNG VÀ BIỂU MẪU HỢP ĐỒNG

Chương VI. ĐIỀU KIỆN CHUNG CỦA HỢP ĐỒNG

Có thể vận dụng bộ điều kiện hợp đồng do Tổ chức Hiệp hội quốc tế các kỹ sư tư vấn (FIDIC) ban hành áp dụng cho dự án EPC/chìa khóa trao tay (Quyển Bạc phiên bản 2017, tái bản có sửa đổi, bổ sung năm 2022) hoặc Điều kiện hợp đồng thiết bị công trình và thiết kế xây dựng (Quyển Vàng phiên bản 2017, tái bản có sửa đổi, bổ sung năm 2022) (có thể sử dụng bản dịch tiếng Việt do Hiệp hội tư vấn xây dựng Việt Nam biên dịch và phát hành).

Chương VII. ĐIỀU KIỆN CỤ THỂ CỦA HỢP ĐỒNG

Ví dụ tham khảo về điều kiện cụ thể của hợp đồng được công khai trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia tại địa chỉ <https://muasamcong.mpi.gov.vn>

(Xem tiếp Công báo số 1429 + 1430)

VĂN PHÒNG CHÍNH PHỦ XUẤT BẢN

Địa chỉ: Số 1, Hoàng Hoa Thám, Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại liên hệ:
- Nội dung: 080.44417; Fax: 080.44517
- Phát hành: 080.48543
Email: congbao@chinhphu.vn
Website: <http://congbao.chinhphu.vn>
In tại: Xí nghiệp Bản đồ 1- Bộ Quốc phòng